CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI **CÔNG TY CP CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/CBTT/LKW	*Long Khánh, ngày 27 tháng 02 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi: - Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 bis, CMT8, P. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.
- Mã chứng khoán: LKW
- Điện thoại: (02513) 877 241
- Website: http://www.capnuoclongkhanh.com.vn
- Người công bố thông tin: **Thái Văn Sơn**
- Chức danh: Người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty.
- Loại thông tin công bố:

☑ Định kỳ ☐24h ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh *(đính kèm báo cáo)*

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/02/2026 tại đường dẫn:

https://capnuoclongkhanh.com.vn/Quanhecodong.aspx

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Tky Cty.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Thái Văn Sơn

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH
Ký ngày: 27/2/2026 09:59:17

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát 07
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 10
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 12
Định hướng phát triển 14
Các rủi ro 16

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH
Tên tiếng Anh:	LONG KHANH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	LKWA
Giấy chứng nhận ĐKDN:	số 3600979223 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 18/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 10/10/2025
Vốn điều lệ:	25.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	85.112.842.945 đồng
Địa chỉ:	Số 02 Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Số điện thoại:	0251 3877 241
Số fax:	0251 3783 897
Website:	www.capnuoclongkhanh.com.vn
Mã cổ phiếu:	LKW
Logo:	

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2004

Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai ra quyết định thành lập Xí nghiệp nước Long Khánh - tiền thân của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh.

2007

Trên cơ sở nền tảng của Xí nghiệp Nước Long Khánh, Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh được thành lập theo quyết định cổ phần hóa số 3060/QĐ-UBND ngày 24/09/2007 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai.

2008

Công ty chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600979223 (số cũ: 4703000501) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 18/02/2008 với số vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng.

2012

Ngày 04/07/2012, Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán LKW.

2019

Ngày 01/06/2019, Long Khánh chính thức trở thành thành phố thứ hai của tỉnh Đồng Nai, sự chuyển mình tích cực của Thành phố Long Khánh về kinh tế, giao thông, cơ sở hạ tầng đã tác động tích cực đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

2023

Ngày 15/12/2023, Công ty ra quyết định giải thể và thanh lý tài sản cố định (bao gồm máy móc, thiết bị sản xuất nước đóng chai) của Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh.

2024

Công ty mua bổ sung nguồn nước mặt từ Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân.

2025

Triển khai tuyến ống truyền tải nước mặt tăng nguồn nước cung cấp cho khu vực phường Long Khánh.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh, sản xuất chính của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Hiện nay, Công ty hoạt động với 2 mảng chính bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch và hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt.

Hoạt động cung cấp nước sạch:
Công ty khai thác, lọc và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp. Đây là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt:
Công ty cung cấp các dịch vụ thi công xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước; lắp đặt hệ thống ống cấp thoát nước; theo dõi giám sát, thi công công trình cấp thoát nước đối với khu dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn.

Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

3600 (Chính)	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: - Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. - Phân phối nước sạch.
2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc (không sản xuất tại trụ sở)
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm).
3700	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
4100	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông.
4220	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi.
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. - Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước.
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Theo dõi giám sát thi công, công trình thoát nước. - Tư vấn đấu thầu.

Địa bàn kinh doanh

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, LKW đã đáp ứng nhu cầu cung cấp nước sạch cho khách hàng trên địa bàn phường Long Khánh, phường Bình Lộc, phường Bảo Vinh, phường Hàng Gòn, phường Xuân Lập Tỉnh Đồng Nai.

Các chi nhánh trực thuộc

Không có

Các công ty con, công ty liên kết

Không có

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), Ban Giám đốc (BGĐ) và 06 phòng chức năng.

Cơ cấu bộ máy quản lý

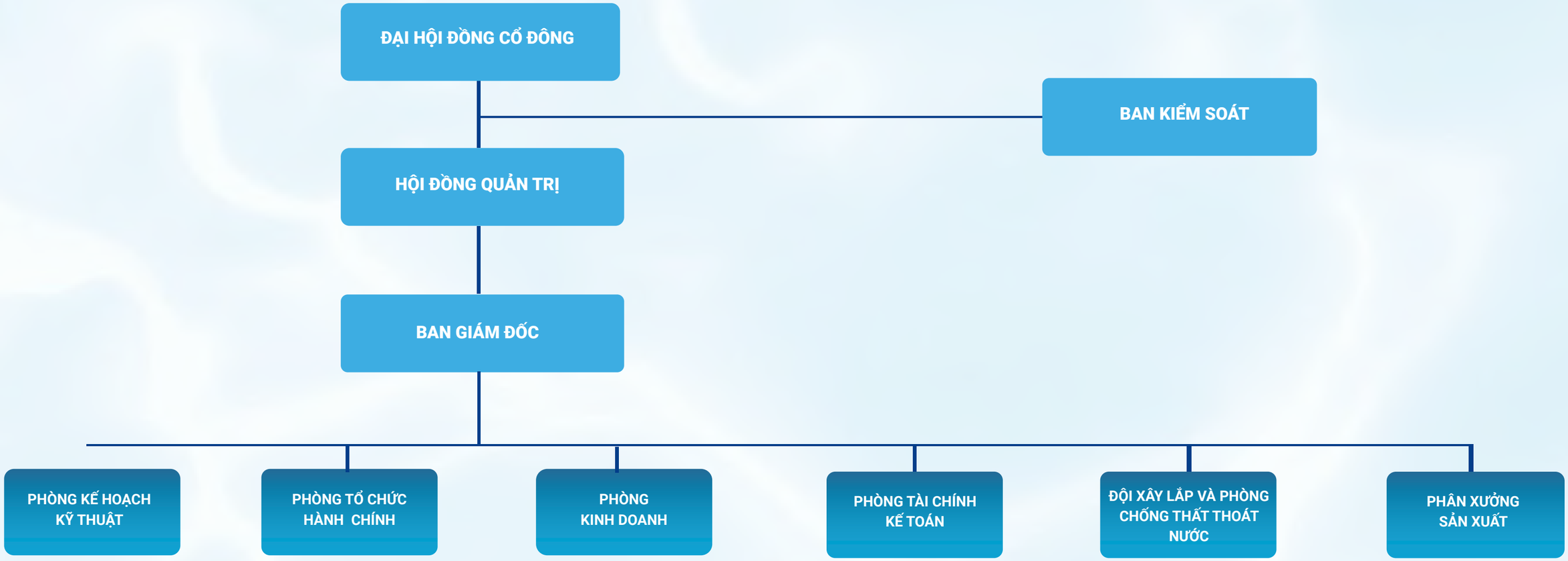

Các công ty con, công ty liên kết

Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

01 Tập trung triển khai thực hiện xây dựng các nhà máy nước mặt.

02 Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng quy định tại Quy chế tài chính của Công ty.

03 Duy trì khả năng kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước, xây dựng kế hoạch sửa chữa, duy tu tuyến ống hợp lý, đảm bảo hệ thống vận hành với chi phí thấp, hiệu quả cao.

04 Chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, kỹ thuật cao qua việc tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng chuyên môn; tạo dựng đội ngũ chuyên nghiệp, trình độ cao giúp Công ty ngày càng phát triển.

05 Nâng công suất các nhà máy, gia tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ nhằm phát triển số lượng khách hàng sử dụng nước tăng trưởng qua từng năm.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển trong nhiệm kỳ IV (2023-2028) với một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản như sau:

- Sản lượng nước sản xuất: tăng bình quân 1,5%/năm.
- Sản lượng nước tiêu thụ: tăng bình quân 1,5%/năm.
- Tổng doanh thu: tăng bình quân 1,5%/năm.
- Lợi nhuận trước thuế: tăng bình quân 1,5%/năm.
- Tỷ lệ chia cổ tức: từ 10% - 15%.

- Tích cực triển khai mở rộng mạng lưới cấp nước trên toàn địa bàn thành phố Long Khánh, góp phần gia tăng doanh thu, phát triển nguồn khách hàng của Công ty.
- Tiếp tục quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, đảm bảo mỗi cán bộ đều có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo kế cận cho Công ty. Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động và cổ đông của Công ty.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, số hóa trong công tác chăm sóc khách hàng, quản lý sản xuất, xử lý công việc để đảm bảo chất lượng cung cấp nước sạch, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Tập thể LKW cam kết tuân thủ và chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển, đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị và đổi mới công nghệ đặc biệt tập trung nghiên cứu đầu tư các nhà máy, tuyến ống truyền tải lớn mang tính liên kết, kết nối hạ tầng cấp nước trong tỉnh. Mục tiêu là phục vụ cho các hoạt động mang lại nguồn thu hiệu quả và lợi nhuận chính cho Công ty, đồng thời đóng góp tích cực vào công tác đầu tư, phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.
- Thực hiện tuyên truyền châm ngôn **"Tiết kiệm nước là tiết kiệm tiền"** đến người dân nhằm nâng cao tinh thần tiết kiệm nước tránh gây lãng phí đến nguồn tài nguyên của quốc gia.
- Tích cực tham gia các hoạt động đóng góp vì mục tiêu phát triển cộng đồng, chung tay góp sức xây dựng cộng đồng ngày càng tốt đẹp và phát triển.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục vận hành trong môi trường nhiều bất định khi rủi ro về địa chính trị và căng thẳng thương mại toàn cầu gia tăng. Là một trong những nền kinh tế có độ mở lớn, Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp xây dựng hạ tầng nói riêng không tránh khỏi tác động từ áp lực tỷ giá và lạm phát, gây ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vật tư, nguyên nhiên liệu đầu vào.

Tuy nhiên, điểm sáng là ngành công nghiệp trong nước vẫn giữ đà hồi phục tích cực. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2025 của ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải tăng 7,82%. Riêng tại tỉnh Đồng Nai, chỉ số IIP ước tính tăng 8,59% so với cùng kỳ. Đây là tín hiệu khả quan, phản ánh nhu

cầu về nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt tại địa bàn tỉnh vẫn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng.

Đối mặt với những rủi ro kinh tế tiềm ẩn, LKW luôn liên tục cải thiện và nâng cao công tác quản lý vốn, đảm bảo tuân các chỉ tiêu tài chính và duy trì hiệu quả sử dụng nguồn lực. Đồng thời, công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến kinh tế vĩ mô, từ đó chủ động đề xuất và triển khai các giải pháp linh hoạt, nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất trong bối cảnh môi trường kinh tế biến động.

RỦI RO CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT

Từ ngày 01/07/2024, Luật Tài nguyên nước 2023 (số 28/2023/QH15) chính thức có hiệu lực, đặt ra khung pháp lý toàn diện và chặt chẽ hơn đối với hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước. Đối với Công ty, đây là một nguồn rủi ro chính sách đáng chú ý, đặc biệt khi LKW là doanh nghiệp trực tiếp khai thác và xử lý nguồn nước tự nhiên để cung cấp cho người dân. Công ty phải đối mặt với những rủi ro liên quan đến gia tăng chi phí tuân thủ pháp luật và các hạn chế trong hoạt động khai thác nước.

Tại địa phương, ngày 06/08/2025, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 689/QĐ-UBND bãi bỏ các quy định cũ (QĐ 297 và QĐ 298) về khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất. Đây là động thái cho thấy tỉnh đang rà soát để xây dựng lộ trình quản lý mới phù hợp với Luật Tài nguyên nước 2023. Việc điều chỉnh này có thể dẫn đến sự thay đổi về quy hoạch vùng khai thác, ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược sử dụng nguồn nước của Công ty trong dài hạn.

Trước áp lực từ các quy định mới, LKW đã chủ động triển khai nhóm giải pháp ứng phó toàn diện. Công ty tập trung đảm bảo tính pháp lý cho các điểm khai thác hiện hữu, bổ sung nguồn nước mặt. Bên cạnh đó, việc tăng cường hệ thống quan trắc và cải tiến công nghệ đã giúp LKW kiểm soát chất lượng nước đầu ra theo đúng quy chuẩn quốc gia, vừa tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh vừa đảm bảo trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Nguồn tài nguyên nước tại Việt Nam nói chung và khu vực Đồng Nai nói riêng đang chịu áp lực từ biến đổi khí hậu và ô nhiễm do quá trình đô thị hóa. Trong năm 2025, mặc dù thời tiết có những thời điểm nhiệt độ cao kỷ lục gây ảnh hưởng đến mực nước ngầm, LKW đã đảm bảo chất lượng nước sạch đạt chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT. Công ty duy trì kiểm định định kỳ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai và Trung tâm Kỹ thuật đo lường chất lượng 3, đảm bảo 100% mẫu nước đạt yêu cầu.

RỦI RO KHUNG GIÁ ĐẦU RA

Nước là một mặt hàng thiết yếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất. Do đó khung giá nước được Cơ quan Nhà Nước, cụ thể là UBND tỉnh Đồng Nai đặt ra nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận của toàn thể nhân dân với nguồn nước sạch. Chính vì thế, nếu bối cảnh kinh tế trở nên xấu đi khiến giá nước buộc phải giảm đến mức thấp hơn giá thành sản xuất thì hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sẽ bị ảnh hưởng.

Trong năm 2025, LKW vẫn đang thực hiện mua bổ sung nguồn nước từ Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (đơn giá mua nước 6.800 đồng/m³ chưa bao gồm VAT) cao hơn mức giá 1 nước sinh hoạt (đơn giá 5.800 đồng/m³ chưa bao gồm VAT) của Công ty đang áp dụng và phải thực hiện đầu tư hệ thống tuyến ống truyền tải tiếp nhận sử dụng nguồn nước mặt. Với giá nước áp dụng hiện nay khi Công ty mua nước để phân phối lại sẽ rất khó khăn để duy trì hoạt động doanh nghiệp, phục vụ cấp nước cho nhân dân trên địa bàn quản lý nếu không điều chỉnh giá nước mới phù hợp để Công ty có nguồn tái đầu tư. Nhận thức được rủi ro đó, LKW đã chủ động kiểm soát chi phí sản xuất song song với việc mở rộng hệ thống phân phối nước. Đồng thời, Công ty cũng không ngừng tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh và tận dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có.

RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

LKW đối mặt với rủi ro biến động chi phí đầu vào, đặc biệt là nguyên liệu phục vụ cho quá trình xử lý nước (Clo, NaOH) và chi phí mua nước sạch bổ sung. Trong năm 2025, sản lượng nước mua từ Công ty CP Cấp nước Gia Tân đạt 593.347 m³ (tăng gấp 2,45 lần so với năm 2024). Do đơn giá mua nước mặt (6.800 đồng/m³) cao hơn giá bán nước sinh hoạt mức 1 (5.800 đồng/m³), áp lực lên giá vốn là rất lớn. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã tập trung tối ưu hóa quy trình vận hành, tiết giảm định mức tiêu hao điện năng và hóa chất để bù đắp một phần chi phí mua nước tăng cao.

RỦI RO THẤT THOÁT NƯỚC

Trong ngành cấp nước, thất thoát nước là rủi ro trọng yếu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả tài chính. Tại LKW, nguyên nhân thất thoát được xác định đến từ cả yếu tố khách quan (áp lực từ cải tạo đô thị gây bể vỡ tuyến ống) và chủ quan (sai số đồng hồ, rò rỉ mạng lưới).

Bằng việc quyết liệt triển khai phân vùng tách mạng và thay thế định kỳ đồng hồ khách hàng, LKW đã đưa tỷ lệ thất thoát nước năm 2025 xuống còn 8,05% (thấp hơn nhiều so với kế hoạch 9,50% và mức 9,12% của năm 2024). Kết quả này minh chứng cho hiệu quả quản trị vận hành tối ưu của Công ty. Trong giai đoạn tới, LKW sẽ tập trung nguồn lực vào việc hiện đại hóa hệ thống dò tìm rò rỉ, nhằm kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên nước.

RỦI RO KHÁC

LKW luôn chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó với thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước và tính liên tục của hệ thống trạm bơm, mạng lưới tuyến ống. Song song với việc duy trì bảo dưỡng thiết bị và mua bảo hiểm tài sản đầy đủ để hạn chế tổn thất tài chính, Công ty xác định nhân sự là nguồn lực cốt lõi quyết định chất lượng dịch vụ. Trong năm 2025, LKW tiếp tục kiện toàn chính sách phúc lợi, bảo hiểm và đẩy mạnh đào tạo chuyên môn, kỹ năng vận hành công nghệ mới cho cán bộ nhân viên, tạo dựng môi trường làm việc an toàn và lộ trình phát triển rõ ràng để duy trì đội ngũ ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu chuyển đổi số và phát triển bền vững của doanh nghiệp.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	20
Tổ chức và nhân sự	23
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án	30
Tình hình tài chính	31
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	36
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	38

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

CƠ CẤU DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		%Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu cung cấp nước sạch	43.761	97,15%	45.050	95,19%	1.289	2,95%
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	1.284	2,85%	2.275	4,81%	991	77,18%
Tổng cộng	**45.046**	**100%**	**47.325**	**100%**	**2.279**	**5,06%**

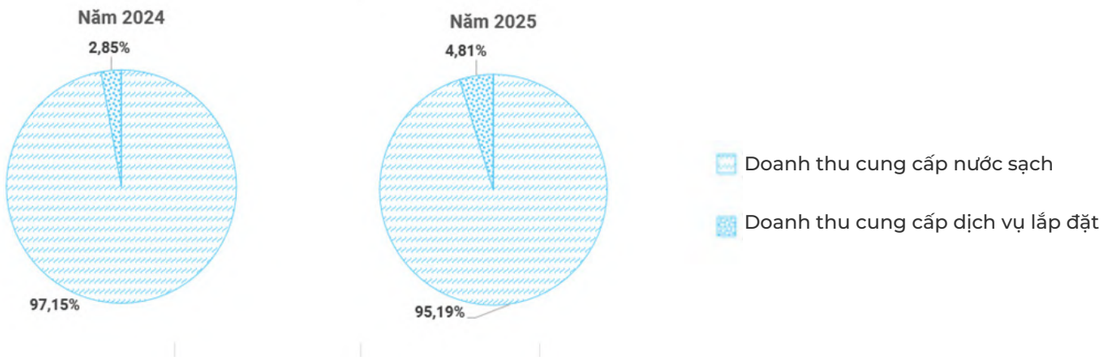

Trong năm 2025, LKW tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả vận hành mạng lưới để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng trên địa bàn quản lý. Kết thúc năm tài chính, Công ty ghi nhận tổng doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 47.325 triệu đồng, tăng 2.279 triệu đồng, tương đương mức tăng 5,06% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu doanh thu chuyển dịch tích cực với các điểm nhấn sau:

- Doanh thu cung cấp nước sạch tiếp tục đóng vai trò cốt lõi khi chiếm 95,19% tổng doanh thu, đạt 45.050 triệu đồng. Sản lượng nước ghi thu trong năm đạt 5.227.694 m^3 (tăng so với mức 5.081.388 m^3 của năm 2024) phản ánh nỗ lực của Công ty trong công tác mở rộng vùng phục vụ và duy trì ổn định nguồn nước cung cấp cho khách hàng.

- Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ lắp đặt ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ khi đạt 2.275 triệu đồng, tăng trưởng 77,18% so với cùng kỳ. Kết quả này cho thấy nhu cầu đấu nối mới và phát triển hạ tầng cấp nước tại các khu vực dân cư tăng.

CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

45.050 triệu đồng

↑ **2,95%**

so với năm 2024

CUNG CẤP DỊCH VỤ LẮP ĐẶT

2.275 triệu đồng

↑ **77,18%**

so với năm 2024

Mặc dù tỷ trọng doanh thu nước sạch có sự điều chỉnh nhẹ do mảng xây lắp tăng trưởng nhanh, LKW vẫn đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đã đề ra, tạo tiền đề tài chính vững chắc cho các kế hoạch đầu tư trong năm 2026.

CƠ CẤU CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		%Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.682	30,94%	12.654	35,93%	2.972	30,70%
Chi phí nhân công	12.336	39,41%	11.830	33,59%	(506)	(4,10%)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.066	9,80%	3.606	10,24%	540	17,61%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.651	5,27%	2.502	7,10%	851	51,54%
Chi phí khác	4.564	14,58%	4.631	13,14%	67	1,47%
Tổng cộng	**31.299**	**100%**	**35.222**	**100%**	**3.924**	**12,53%**

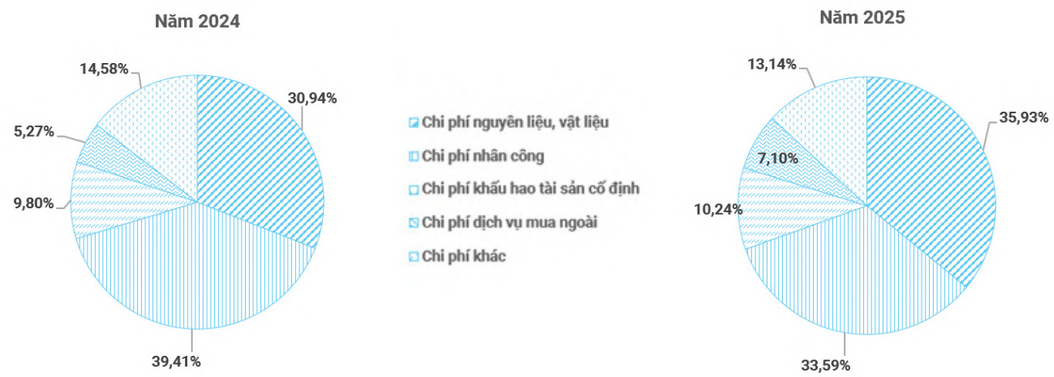

Năm 2025, tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của LKW ghi nhận mức 35.222 triệu đồng, tăng 12,53% so với cùng kỳ năm 2024. Sự dịch chuyển trong cơ cấu chi phí phản ánh áp lực từ các yếu tố đầu vào và chiến lược mở rộng hạ tầng của Công ty: Chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh do sản lượng nước mặt mua tăng thêm 351.382 m^3 (tương ứng mức tăng 145,22% so với cùng kỳ năm 2024) để đảm bảo cung cấp nước sạch liên tục trong bối cảnh nguồn nước ngầm khai thác đang bị hạn chế. Ngoài ra, chi phí vật tư tăng còn do đẩy mạnh hoạt động lắp đặt gắn mới đồng hồ cho khách hàng.
Mặc dù tổng chi phí nhân công giảm 4,10% so với cùng kỳ, LKW vẫn duy trì ổn định thu nhập và các chế độ phúc lợi cho người lao động. Sự sụt giảm về chi phí này chủ yếu đến từ việc sắp xếp lại các vị trí việc làm phù hợp với năng lực chuyên môn và tối ưu hóa các quy trình quản lý hành chính.

TỔNG CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

35.222 triệu đồng

↑ **12,53%**

so với năm 2024

Chi phí dịch vụ mua ngoài năm 2025 đạt 2.502 triệu đồng, tăng 51,54% so với cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng này là kết quả tất yếu từ các hoạt động duy tu và sửa chữa hạ tầng nhằm đảm bảo tính ổn định và an toàn cho toàn bộ mạng lưới cấp nước trên địa bàn. Trong khi đó, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí khác bằng tiền duy trì mức ổn định. Sự ổn định của các nhóm chi phí này, kết hợp với việc kiểm soát tốt chi phí hình thành từ giá vốn mua nước mặt và chi phí triển khai các công trình xây lắp mới là những yếu tố then chốt giúp Công ty duy trì hiệu quả hoạt động và hoàn thành tốt kế hoạch lợi nhuận trong năm 2025.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
Tổng doanh thu	47.856	47.860	49.609	103,67%	103,65%
Lợi nhuận trước thuế	15.968	12.191	14.113	88,38%	115,76%
Lợi nhuận sau thuế	14.056	10.712	12.406	88,26%	115,82%

Năm 2025, với sự nỗ lực đồng lòng của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã khép lại năm tài chính với những kết quả khả quan, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu cốt lõi do Đại hội đồng cổ đông giao phó, cụ thể:

TỔNG DOANH THU

49.609 triệu đồng

Tăng 3,67 % so với năm 2024

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

12.406 triệu đồng

Giảm 11,74% so với năm 2024

Về doanh thu

Tổng doanh thu thực hiện đạt 49.609 triệu đồng, tương ứng hoàn thành 103,65% kế hoạch năm và duy trì đà tăng trưởng 3,67% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sự ổn định trong sản lượng cung cấp nước sạch và hiệu quả từ công tác phát triển khách hàng, mở rộng mạng lưới tại các khu vực trọng điểm.

Về lợi nhuận

Mặc dù chỉ tiêu lợi nhuận chịu áp lực từ chi phí mua nước mặt tăng cao, LKW vẫn ghi nhận kết quả khả quan khi lợi nhuận trước thuế đạt 14.113 triệu đồng (vượt 15,76% kế hoạch) và lợi nhuận sau thuế đạt 12.406 triệu đồng (vượt 15,82% kế hoạch). Dù so với mức nền cao của năm 2024, các chỉ số này có sự điều chỉnh giảm nhẹ do biến động về giá vốn, nhưng việc vượt kế hoạch ở mức hai con số đã khẳng định năng lực quản trị rủi ro và kiểm soát chi phí hiệu quả của doanh nghiệp.

Thông qua việc bám sát kế hoạch và triển khai đồng bộ các giải pháp chống thất thoát nước (đưa tỷ lệ thất thoát xuống mức kỷ lục 8,05%), LKW không chỉ củng cố nền tảng vững chắc mà còn đảm bảo an ninh nguồn nước sạch và an toàn vận hành. Kết quả thực hiện năm 2025 là minh chứng cho khả năng thích ứng linh hoạt, tạo đà thuận lợi để Công ty tiếp tục triển khai các mục tiêu chiến lược và các dự án đầu tư trọng điểm trong năm 2026.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

(Tính tại ngày 31/12/2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Hồ Ngọc Long	Giám đốc	250.000	10%	-	-
2	Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc	175.000	7%	-	-
3	Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	175.000	7%	-	-
4	Bà Trần Khánh Dung	Kế toán trưởng	-	-	-	-

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

01 ÔNG HỒ NGỌC LONG
Giám đốc

Ông Hồ Ngọc Long
TV HĐQT KIÊM GĐ

Ngày sinh	02/06/1972
Nơi sinh	Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng
Chức vụ hiện tại TCPH	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc - CTCP Cấp nước Đồng Nai

Quá trình công tác

1992 - 2003	Công nhân gò hàn Công ty Thiết bị điện - KCN Biên Hòa 1
2003 - 2006	Chuyên viên Thiết kế CTCP Xây dựng SANDO
2006 - 2008	Nhân viên CTCP Cấp nước Nhơn Trạch - KCN Nhơn Trạch
2008 - 2013	Quản lý phòng Kỹ thuật CTCP Xây dựng Tín Nghĩa
2014 - 2015	Chuyên viên quản lý xây dựng cơ bản CTCP Xăng dầu Tín Nghĩa
2015 - 2020	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật và Ban CTCP Cấp nước Đồng Nai
2020 - 2022	Phó Giám đốc CNCN Xuân Lộc CTCP Cấp nước Đồng Nai
2022 - nay	Giám đốc CNCN Xuân Lộc CTCP Cấp nước Đồng Nai
04/2024 - nay	Giám đốc CTCP Cấp nước Long Khánh

Số lượng cổ phần sở hữu	**250.000**	**cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**10%**
Sở hữu cá nhân	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	250.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	10%
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

02 ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH
Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Vĩnh
TV HĐQT KIÊM PGĐ

Ngày sinh	12/12/1971
Nơi sinh	Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện tại TCPH	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

1990 - 1996	Công nhân Xí nghiệp nước Long Khánh
1996 - 1998	Phó quản đốc Xí nghiệp nước Long Khánh
1998 - 2008	Đội trưởng Đội xây lắp Xí nghiệp nước Long Khánh
2008 - 2017	Đội trưởng Đội xây lắp Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
2017 - 2018	Đội trưởng Đội chống thất thoát Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
2018 - 10/2022	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
11/2022 - 04/2024	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
04/2024 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh

Số lượng cổ phần sở hữu	**175.000**	**cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**7%**
Sở hữu cá nhân	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	175.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	7%
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

03 ÔNG NGUYỄN VĂN HÒA
Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hòa
TV HĐQT KIÊM PGĐ

Ngày sinh	22/03/1968
Nơi sinh	Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cấp thoát nước
Chức vụ hiện tại TCPH	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

1991 - 2002	Nhân viên xí nghiệp nước Long Khánh
2002 - 2008	Trưởng phòng kế hoạch Xí nghiệp nước Long Khánh
2008- nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
2018 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh

Số lượng cổ phần sở hữu	**175.000**	**cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**7%**
Sở hữu cá nhân	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	175.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	7%
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

04 BÀ TRẦN KHÁNH DUNG
Kế toán trưởng

Bà Trần Khánh Dung
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày sinh	14/04/1989
Nơi sinh	Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện tại TCPH	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có

Quá trình công tác

08/2016 - 02/2021	Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
03/2021 - 06/2022	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
07/2022 - 03/2023	Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
03/2023 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh

Số lượng cổ phần sở hữu	**-**	**cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**-**
Sở hữu cá nhân	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH 2025

Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

(Tính tại ngày 31/12/2025)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ lao động**	**63**	**100,00%**
1	Trên đại học, đại học	31	49,21%
2	Cao đẳng	3	4,76%
3	Trung cấp	5	7,94%
4	Công nhân kỹ thuật	2	3,17%
5	Lao động phổ thông	22	34,92%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**63**	**100,00%**
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	6	9,52%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	57	90,48%
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
C	**Theo giới tính**	**63**	**100,00%**
1	Nam	42	66,67%
2	Nữ	21	33,33%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	61	59
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.371.585	11.819.209

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

CÔNG TÁC TIỀN LƯƠNG

Công ty thực hiện xây dựng chính sách tiền lương căn cứ vào bảng lương theo quy định Nhà nước. Quy chế trả lương, thưởng của Công ty luôn đảm bảo theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đúng theo chế độ, chính sách Nhà nước. Xây dựng chính sách lương thưởng cho những cán bộ, công nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm nhằm thu hút nguồn lực đồng thời giữ chân nhân viên lâu dài khuyến khích sự đóng góp và cam kết của nhân viên trong quá trình phát triển của Công ty.

Trong năm 2025, thu nhập bình quân của Người lao động: 11.819.209 đồng/người/tháng, tăng 26,12% so với kế hoạch năm 2025.

CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

a. Chính sách Người lao động

» Thực hiện chi trả lương đúng thời gian quy định, đảm bảo bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng, các chế độ chính sách của Người lao động luôn đảm bảo.

» Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách trợ cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ, công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, cưới hỏi,...

b. Công tác an toàn lao động

Công ty đã tăng cường kiểm tra các thiết bị, đường dây điện tại các trạm bơm và văn phòng Công ty, trang bị nón bảo hộ, dụng cụ PCCC và lập các rào chắn, bảng hiệu khi thi công. Thành lập ban an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên kiểm tra, vận động công nhân viên chấp hành tốt công tác an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

c. Công tác bảo hộ lao động:

Công ty thực hiện đúng quy định trang bị đồ bảo hộ lao động năm 2025 cho công nhân sản xuất để thực hiện công tác kiểm tra định kỳ tại đơn vị.

VỀ CÔNG TÁC AN NINH QUỐC PHÒNG - AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG & PCCC

» Công ty thực hiện nghiêm túc việc trang bị bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất. Ban An toàn vệ sinh lao động thường xuyên kiểm tra thiết bị, hệ thống điện tại các trạm bơm và văn phòng, thiết lập rào chắn, biển báo tại các công trình thi công để đảm bảo tuyệt đối an toàn.

» LKW chú trọng đảm bảo cấp nước phục vụ phòng cháy chữa cháy 24/24 giờ trên địa bàn. Đội dân quân tự vệ Công ty tham gia huấn luyện đầy đủ theo quy định. Trong năm 2025, tình hình an ninh trật tự tại đơn vị được giữ vững, đảm bảo an toàn nguồn nước phục vụ sản xuất kinh doanh ổn định.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC

LKW tiếp tục thực hiện rà soát và kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng nâng cao hiệu quả vận hành. Công ty tập trung nguồn lực vào các mảng hoạt động có giá trị gia tăng cao, đồng thời giảm bớt những chi phí không mang lại hiệu quả.

Tổ chức điều hành Công ty gồm có:

» Ban Giám đốc và 04 phòng nghiệp vụ, phân xưởng sản xuất nước, đội xây lắp & chống thất thoát.

» Tổng số lao động tại ngày 31/12/2025 là 63 người (giảm 01 người so với đầu năm). Trong năm, số lao động tăng thêm là 01 người và giảm 02 người (do nghỉ hưu và chấm dứt hợp đồng lao động). Việc duy trì quy mô nhân sự ổn định trong khi sản lượng kinh doanh tăng trưởng là minh chứng cho sự cải thiện về năng suất lao động.

CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Công ty không ngừng nỗ lực xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đề cao tinh thần đồng đội và sự gắn kết như một gia đình. LKW khuyến khích sự hỗ trợ liên kết giữa các cá nhân và bộ phận, tạo không khí làm việc tích cực để đạt được kết quả bền vững. Quy trình tuyển dụng và đánh giá nhân sự được thực hiện chặt chẽ, dựa trên chiến lược phát triển dài hạn, kết hợp với hệ thống khen thưởng công bằng nhằm tạo động lực tối đa cho người lao động.

CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Quy trình tuyển dụng nhân sự xác định dựa theo chiến lược và mục tiêu phát triển của Công ty. Tiếp tục thực hiện công tác đánh giá hiệu quả công việc, đánh giá nhân sự, tiếp tục phát triển văn hóa của LKW cho người lao động. Xây dựng hệ thống khen thưởng công bằng tích hợp với các mục tiêu mà Công ty đã đặt ra. Điều này giúp tạo ra một môi trường làm việc tích cực, năng động có lợi cho cả nhân viên và doanh nghiệp.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Tiếp tục triển khai các khóa tập huấn, đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân sự. Tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo để nâng cao chất lượng và hiệu suất làm việc, đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên học các lớp chuyên môn nghiệp vụ, các lớp ngắn hạn về quản lý, về chính sách thuế và triển khai văn bản nghị định. Xây dựng kế hoạch phát triển năng lực để đảm bảo nguồn nhân lực được trang bị đầy đủ những kỹ năng ứng phó với những trường hợp bất khả kháng có thể xảy ra.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai đầu tư các công trình xây dựng cơ bản theo Kế hoạch năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công tác đầu tư được thực hiện bám sát kế hoạch, đúng trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành, góp phần mở rộng mạng lưới cấp nước và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch trên địa bàn Công ty quản lý.

Công ty đã thực hiện khảo sát, lập khái toán và xây dựng kế hoạch đầu tư các công trình cải tạo, phát triển tuyến ống cấp nước năm 2025; đồng thời phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Long Khánh và Ủy ban nhân dân các phường, xã liên quan (theo địa giới hành chính tại thời điểm triển khai) để hoàn thành thủ tục cấp phép xây dựng các công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định.

Trong năm, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình tuyến ống cấp nước, bao gồm: Tuyến ống truyền tải nước mặt HDPE OD280 đường Hồ Thị Hương (Giai Đoạn 1 từ đường Lê A đến đường Hoàng Diệu); Tuyến ống cấp nước khu vực Khu Phố Suối Tre, phường Suối Tre; Tuyến ống cấp nước khu vực Khu Phố Núi Đỏ, phường Bàu Sen; Công trình Phát triển tuyến ống cấp nước HDPE (phải tuyến) đường Điều Xiển (đoạn từ tạp hóa cô chín đến UBND Xã Bàu Trâm) – xã Bàu Trâm; Tuyến ống cấp nước HDPE D110 tại đường Phạm Ngọc Thạch – Phường Bàu Sen; Tuyến ống cấp nước tổ 11,12 Khu phố Núi Tung, phường Suối Tre; Tuyến ống cấp nước tổ 13,14,15 khu phố Núi Đỏ - phường Bàu Sen; Tuyến ống cấp nước HDPE D110 đường Lê A và Quốc Lộ 1A (Đoạn từ đường Lê A - đường Võ Văn Tần); Tuyến ống cấp nước D160, D110 đường Lê Hồng Phong (đoạn Nguyễn Trãi đến Quốc lộ 1 và Quốc lộ 1 – Lê Hồng Phong cũ); Cải tạo và phát triển tuyến ống đường Thành Thái – phườnag Bảo Vinh; Cải tạo tuyến ống cấp nước HDPE tại đường Hồ Thị Hương (đoạn từ công ty Thành Thắng đến Tạp hóa Thơm Kim Sang); Cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước HDPE tại đường Phạm Lạc, phường Xuân Thanh; Phát triển tuyến ống cấp nước khu vực ấp Ruộng Tre (đường Ruộng Tre - Thọ An; đường Ruộng Tre- Xuân Bắc; đường số 1) và ấp 18 Gia Đình (đường Bảo Quang - Xuân Bắc); Cải tạo sửa chữa Nhà văn phòng Công ty; Tuyến ống cấp nước khu phố Suối Tre (giai đoạn 2).

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Không có

Hoàn thành công tác chuyển mạng đồng hồ khách hàng trên các tuyến ống được cải tạo, sửa chữa.

Kết quả đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2025 như sau:

+ Tuyến ống cấp nước HDPE D63 với tổng chiều dài: 6.959 mét.

+ Tuyến ống cấp nước HDPE D75 với tổng chiều dài: 3.662 mét.

+ Tuyến ống cấp nước HDPE D110 với tổng chiều dài: 15.874 mét.

+ Tuyến ống cấp nước HDPE D160 với tổng chiều dài: 4.583 mét.

Tiếp tục thực hiện các thủ tục về Đất cho dự án đầu tư xây dựng dự án nhà máy nước mặt hồ Cầu Dầu công suất 4.000 m³/ngày và nhà máy nước mặt hồ Suối Tre công suất 8.150 m³/ngày.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	100.653	99.240	(1,40%)
2	Doanh thu thuần	45.046	47.325	(5,06%)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.218	13.984	(13,77%)
4	Lợi nhuận khác	(250)	128	151,20%
5	Lợi nhuận trước thuế	15.968	14.113	(11,62%)
6	Lợi nhuận sau thuế	14.056	12.406	(11,74%)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60%	30% (*)	(30,00%)

**Tỷ lệ cổ tức dự kiến trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.*

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,53	**2,90**
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,42	**2,81**
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	11,58	**14,24**
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	13,10	**16,60**
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,47	**0,47**
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	15,56	**18,09**
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	31,20	**26,21**
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	16,52	**14,25**
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	14,55	**12,41**
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	36,00	**29,55**

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Đơn vị: Lần

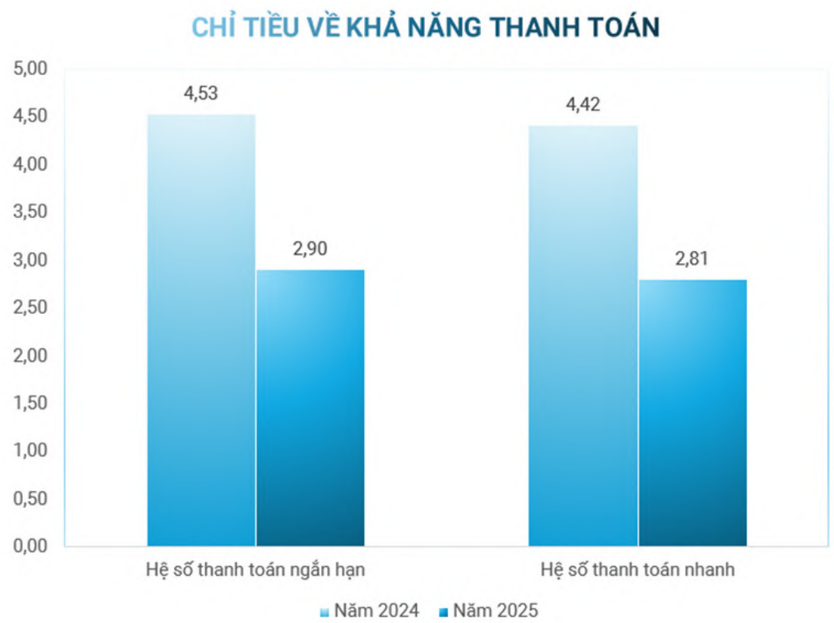

Trong năm 2025, các chỉ số thanh toán của LKW có sự điều chỉnh đáng kể sau một giai đoạn duy trì ở mức rất cao, phản ánh chiến lược tái cơ cấu tài sản để phục vụ các dự án đầu tư trọng điểm. Mặc dù hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 4,53 lần xuống còn 2,90 lần, đây vẫn được xem là ngưỡng thanh khoản an toàn đối với các doanh nghiệp.

Cụ thể, giá trị tài sản ngắn hạn giảm khoảng 22,23% (từ 52.761 triệu đồng xuống còn 41.031 triệu đồng). Nguyên nhân chủ yếu do sự sụt giảm của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn) từ 44.000 triệu đồng xuống còn 34.000 triệu đồng nhằm phục vụ nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và chi trả cổ tức trong năm. Đồng thời, lượng tiền mặt và tương đương tiền cũng giảm từ 5.613 triệu đồng xuống còn 3.996 triệu đồng.

Ở chiều ngược lại, nợ ngắn hạn của Công ty tăng khoảng 21,19% (từ 11.657 triệu đồng lên 14.127 triệu đồng). Sự gia tăng này chủ yếu do khoản mục "Phải trả người bán ngắn hạn" tăng mạnh (từ 338 triệu đồng lên 4.795 triệu đồng), phản ánh việc Công ty đang tận dụng tốt nguồn tín dụng thương mại từ các nhà cung cấp vật tư và đơn vị thi công trong giai đoạn đẩy mạnh triển khai các công trình trọng điểm.

Việc chủ động điều phối nguồn tiền gửi ngắn hạn để tất toán các khoản phải trả và đầu tư vào tài sản dài hạn cho thấy chiến lược sử dụng vốn linh hoạt của Ban điều hành. Ngoài ra, hệ số thanh toán nhanh duy trì ở mức sát sao với hệ số thanh toán ngắn hạn (2,81 lần), do đặc thù ngành nước có lượng hàng tồn kho không lớn. Do đó, Công ty hoàn toàn đủ khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính tức thời mà không cần phụ thuộc vào việc giải phóng hàng tồn kho, đồng thời duy trì uy tín cao đối với các đối tác và tổ chức tín dụng.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Đơn vị: %

Trong năm 2025, LKW tiếp tục duy trì chiến lược tài chính an toàn, chú trọng vào việc cân đối nguồn vốn để phục vụ các mục tiêu đầu tư phát triển hạ tầng mạng lưới. Cụ thể, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của LKW đã có sự thay đổi nhẹ khi các hệ số nợ ghi nhận xu hướng tăng. Hệ số nợ trên tổng tài sản đạt 14,24% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đạt 16,60%.

Nguyên nhân của sự gia tăng này đến từ việc Công ty ghi nhận khoản phải trả người bán tăng, chủ yếu từ các nhà cung cấp vật tư và đơn vị thi công trong giai đoạn triển khai các dự án. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu giảm nhẹ do việc chi trả cổ tức cho cổ đông cũng làm thay đổi tỷ trọng cấu phần nguồn vốn. Nhìn chung, Công ty vẫn duy trì được cấu trúc vốn ổn định, mức độ phụ thuộc vào nợ vay thấp và đảm bảo được tính tự chủ trong các hoạt động tài chính.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: vòng

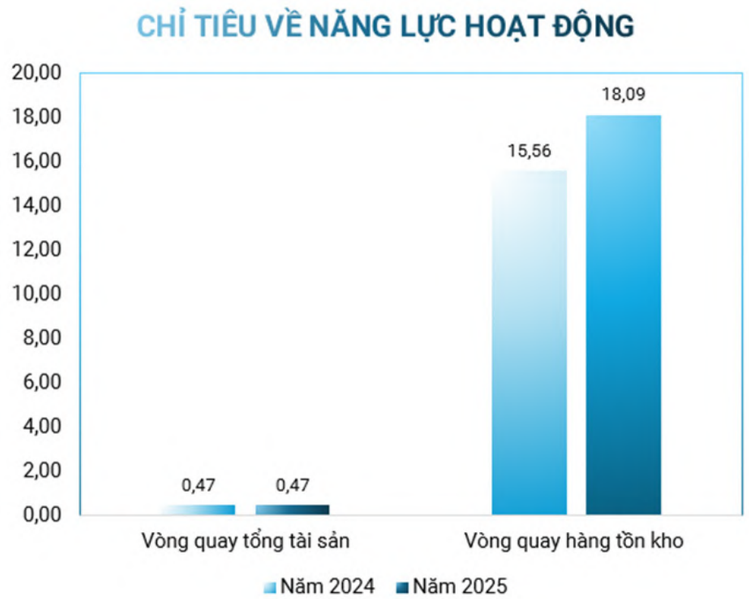

Năng lực hoạt động của LKW trong năm 2025 tiếp tục duy trì được sự ổn định và ghi nhận những chuyển biến tích cực ở khâu quản trị hàng tồn kho, cụ thể: Vòng quay tổng tài sản duy trì ở mức 0,47 vòng, tương đương với năm 2024. Kết quả này cho thấy hiệu suất khai thác tài sản để tạo ra doanh thu của Công ty được giữ ở mức ổn định. Trong bối cảnh tổng tài sản có sự dịch chuyển cơ cấu từ tài sản ngắn hạn sang đầu tư hạ tầng dài hạn, việc giữ vững hệ số vòng quay phản ánh nỗ lực của Ban điều hành trong việc đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn lực sẵn có để duy trì hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Mặt khác, vòng quay hàng tồn kho ghi nhận xu hướng tăng từ 15,56 vòng lên 18,09 vòng (tăng khoảng 16,26% tương đương 2,53 vòng). Sự gia tăng của hệ số vòng quay hàng tồn kho cho thấy công tác quản lý vật tư, thiết bị phục vụ sửa chữa mạng lưới và thi công lắp đặt đang được triển khai. Việc luân chuyển hàng tồn kho nhanh hơn giúp Công ty giảm thiểu rủi ro đọng vốn và tối ưu hóa dòng tiền cho các hoạt động đầu tư khác.

Nhìn chung, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động năm 2025 cho thấy công tác quản trị tài sản của LKW đang đi đúng hướng. Hàng tồn kho và các nguồn lực tài sản được duy trì ở mức phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh. Việc cải thiện vòng quay hàng tồn kho trong khi giữ vững hiệu suất tổng tài sản là cơ sở để Công ty kiểm soát tốt chi phí vận hành, góp phần duy trì tính ổn định cho kết quả kinh doanh chung của đơn vị.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Đơn vị: %

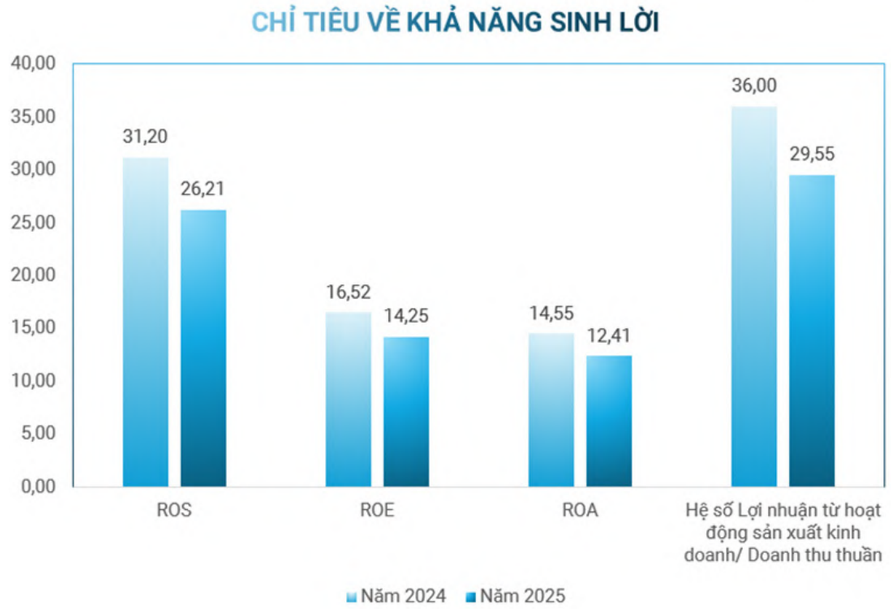

Trong năm 2025, các chỉ số về khả năng sinh lời của LKW ghi nhận sự điều chỉnh giảm so với năm trước. Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS) đạt 26,21%, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 14,25% và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt 12,41%. Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần cũng giảm từ 36,00% xuống còn 29,55%.

Sự sụt giảm của các chỉ số sinh lời chủ yếu xuất phát từ áp lực tăng chi phí giá vốn hàng bán. Bên cạnh đó, việc thay đổi cơ cấu nguồn nước với sản lượng nước mặt mua ngoài tăng mạnh đã đẩy chi phí nguyên liệu đầu vào lên cao, làm thu hẹp biên lợi nhuận gộp của Công ty. Mặc dù các tỷ lệ này có xu hướng giảm, LKW vẫn duy trì được mức sinh lời ổn định trong bối cảnh chịu tác động từ các yếu tố chi phí khách quan. Điều này cho thấy sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc cân đối giữa mục tiêu lợi nhuận và nhiệm vụ đảm bảo an ninh nguồn nước sạch cho địa bàn. Nhận thức được những thách thức về chi phí, Công ty tiếp tục chú trọng phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi và thực hiện các biện pháp tối ưu hóa vận hành. Việc duy trì đầu tư vào các công trình tuyến ống, mở rộng mạng lưới khách hàng và triển khai các dự án nhà máy nước theo lộ trình là những bước đi cần thiết nhằm nâng cao năng lực sản xuất và cải thiện hiệu quả kinh doanh trong dài hạn. Công ty xác định việc kiểm soát chặt chẽ chi phí vận hành và giảm tỷ lệ thất thoát nước sẽ là những giải pháp trọng tâm để duy trì khả năng sinh lời bền vững và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông trong những năm tới.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ của Công ty

25.000.000.000 đồng

Mệnh giá

10.000 đồng/ cổ phiếu

Khối lượng cổ phiếu đã phát hành

2.500.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

2.500.000 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ

0 cổ phiếu

Loại cổ phiếu

CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông Nhà nước**	**1**	**1.275.000**	**12.750**	**51,00%**
II	**Cổ đông trong nước**	**250**	**2.432.274**	**24.322**	**97,29%**
1	Cá nhân	247	1.034.274	10.342	41,37%
2	Tổ chức	3	1.398.000	13.980	55,92%
III	**Cổ đông nước ngoài**	**11**	**67.726**	**677**	**2,71%**
1	Cá nhân	9	27.800	278	1,11%
2	Tổ chức	2	39.926	399	1,60%
	Tổng cộng (II + III)	**261**	**2.500.000**	**25.000**	**100,00%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 9,5% (tại ngày 31/12/2025)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Số ĐKSH	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai	3600259296	1.275.000	51,00%
2	Nguyễn Văn Hiệp	080059000135	419.600	16,78%
3	Nguyễn Thị Hoàng Điệp	272638592	147.000	5,88%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và cung cấp nước sạch như LKW, môi trường luôn là yếu tố trọng yếu cần được quản lý và bảo vệ chặt chẽ. Trong bối cảnh Việt Nam chịu ảnh hưởng ngày càng lớn từ biến đổi khí hậu và tình trạng ô nhiễm gia tăng, các nguồn nước mặt và nước ngầm tại địa bàn quản lý và tỉnh Đồng Nai nói chung đang phải đối mặt với nhiều thách thức.

Nhận thức rõ những rủi ro môi trường này, LKW luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và triển khai nhiều biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên. Công ty chú trọng kiểm soát các tác nhân có thể gây ô nhiễm, chủ động giám sát chất lượng nước đầu vào, tối ưu quy trình xử lý và giảm thiểu thất thoát nước trong mạng lưới.

QUẢN LÝ NGUỒN VẬT LIỆU

LKW tuân thủ nghiêm ngặt quy chuẩn chất lượng nước theo QCVN 2024, trong đó việc sử dụng hóa chất xử lý nước – đặc biệt là Clo – được kiểm soát theo đúng quy trình và liều lượng cho phép. Để bảo đảm nước sau xử lý không bị tái nhiễm vi sinh trong quá trình vận chuyển trên mạng lưới, Công ty duy trì một lượng Clo dư theo tiêu chuẩn kỹ thuật, đồng thời giám sát liên tục chất lượng nước. Sản phẩm mà Công ty cung cấp chính là nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt và công nghiệp vì thế đòi hỏi Công ty cần phải tuân thủ nghiêm ngặt về các quy định, trình tự liều lượng sử dụng và bảo quản hóa chất tránh xảy ra tình trạng biến tính ảnh hưởng đến chất lượng nước gây tác động trực tiếp đến sức khỏe, đời sống của người dân. Công ty luôn quan tâm lựa chọn đối tác cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy nhằm giảm thiểu rủi ro mua phải hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty tiêu thụ chủ yếu là điện năng dùng trong việc vận hành các hệ thống xử lý nước, máy bơm, cung cấp điện chiếu sáng cho khu vực nhà máy, văn phòng,... Tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất nhằm giảm chi phí sản xuất, tối đa lợi nhuận là mục tiêu mà Công ty luôn hướng đến, do đó Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo kỹ năng sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	%tăng/ giảm
1	Xe dầu	Lít	1.068	1.515	41,85%
2	Xe xăng	Lít	3.660	3.985	8,88%
3	Điện năng tiêu thụ	KWh	2.178.104	2.094.802	(3,82%)
4	Javel 5%	Kg	37.844	37.665	(0,47%)
5	NaOH	Kg	27.668	28.133	1,68%

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước vừa là nguyên liệu đầu vào trong quá trình xử lý, vừa là sản phẩm đầu ra chủ lực của Công ty. Với châm ngôn "Tiết kiệm nước là tiết kiệm tiền", LKW luôn ưu tiên công tác giảm thất thoát – thất thu nước (NRW) và hạn chế rò rỉ gây lãng phí. Công ty thường xuyên kiểm tra áp lực nước trên mạng lưới, dò tìm các đường ống dễ bể và cũ kỹ để có thể kịp thời khắc phục những sự cố xảy ra. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường nước, LKW nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước. Công ty luôn coi việc tiêu thụ nước tiết kiệm, hiệu quả là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh các biện pháp kỹ thuật nội bộ, LKW cũng phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, khách hàng và cộng đồng dân cư để tuyên truyền nâng cao nhận thức về sử dụng nước tiết kiệm, phòng chống thất thoát và bảo vệ nguồn nước bền vững.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

LKW luôn coi người lao động là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của Công ty. Trong năm, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách về an toàn lao động, các chính sách lương thưởng và phúc lợi bao gồm các chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, nghỉ phép và các lợi ích khác mà nhân viên có quyền hưởng. Bên cạnh đó, LKW triển khai lộ trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp, tạo cơ hội thăng tiến công bằng cho người lao động. Công ty cam kết đối xử bình đẳng, không phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào và thực hiện tốt công tác thi đua – khen thưởng nhằm ghi nhận những đóng góp tích cực của nhân viên.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

LKW luôn nhận thức sâu sắc vai trò của mình đối với cộng đồng nơi Công ty hoạt động. Trong năm, Công ty đã tiếp nhận và vận hành các trạm cấp nước theo đề nghị của chính quyền địa phương nhằm bảo đảm cung cấp nước sạch ổn định cho người dân. Đồng thời, LKW triển khai nhiều hoạt động và dự án hướng đến bảo vệ môi trường trong khu vực chịu ảnh hưởng của Công ty, góp phần cải thiện chất lượng sống của cư dân. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực tham gia và hỗ trợ các sự kiện văn hóa, xã hội và thể thao tại địa phương như lễ hội truyền thống, chương trình cộng đồng và các hoạt động kết nối khác, từng bước nâng cao độ nhận diện với người dân góp phần quảng bá hình ảnh LKW đến với tỉnh nhà và du khách.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm, Công ty luôn chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. LKW luôn thực hiện đúng nghĩa vụ nộp phí khai thác tài nguyên nước theo giấy phép được cấp, đồng thời bố trí đầy đủ hạ tầng và tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát môi trường.

Công ty đặt việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường làm trọng tâm trong toàn bộ quy trình hoạt động – từ khai thác nguồn nước, xử lý, vận chuyển đến phân phối. LKW thường xuyên cập nhật quy định mới, rà soát tiêu chuẩn vận hành và nâng cấp hệ thống theo dõi nhằm đảm bảo công nghệ xử lý nước sạch đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tiếp đón các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo vệ sinh và môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại, Công ty không có các hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, LKW luôn theo dõi sát sao các quy định, chính sách và hướng dẫn từ Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh	42
Tình hình tài chính	44
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	47
Kế hoạch phát triển trong tương lai	48
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	49
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	50

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025 là một năm bản lề với nhiều sự chuyển dịch quan trọng trong mô hình vận hành của LKW. Dù phải đối mặt với áp lực từ việc chuyển đổi cơ cấu nguồn nước và vướng mắc về thủ tục đầu tư, tập thể lãnh đạo và người lao động đã giữ vững tinh thần đoàn kết, nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược. Kết quả ghi nhận sự tăng trưởng ổn định về quy mô doanh thu và vượt mức kế hoạch lợi nhuận được giao, khẳng định năng lực thích ứng của Công ty trong bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động.

THUẬN LỢI

– Sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp: Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ kịp thời từ Thành ủy, UBND Tỉnh và các Sở ban ngành tỉnh Đồng Nai. Đặc biệt, sự phối hợp chiến lược từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco) đã tạo điều kiện quan trọng để đơn vị duy trì an ninh cấp nước trên địa bàn.

– Năng lực quản trị chủ động: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã bám sát diễn biến thị trường để điều hành linh hoạt, khớp nối các kế hoạch SXKD với tình hình thực tế, đảm bảo các chỉ tiêu cốt lõi như sản lượng ghi thu và tỷ lệ thất thoát nước luôn đạt mục tiêu đề ra.

– Đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp: Việc duy trì bộ máy 63 nhân sự tinh gọn nhưng giàu kinh nghiệm đã giúp nâng cao năng suất lao động. Tinh thần trách nhiệm và sự sáng tạo trong ứng dụng công nghệ đã góp phần tối ưu hóa quy trình vận hành và chăm sóc khách hàng.

– Chuyển đổi số trong thanh toán: LKW đã đẩy mạnh tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt, mở rộng liên kết với các ngân hàng và đơn vị thu hộ. Điều này không chỉ gia tăng tiện ích cho khách hàng mà còn giúp Công ty quản lý dòng tiền và các khoản phải thu hiệu quả, minh bạch.

KHÓ KHĂN

– Áp lực từ giá vốn nguồn nước mặt: Theo chủ trương hạn chế khai thác nước ngầm của tỉnh Đồng Nai, Công ty phải tăng mạnh sản lượng nước mặt mua ngoài từ đối tác Gia Tân (tăng 145,22% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, đơn giá mua nước mặt (6.800 đồng/m3) đang cao hơn giá bán nước sinh hoạt bậc 1 hiện hành (5.800 đồng/m3). Việc chưa có quyết định điều chỉnh giá nước mới đã gây áp lực trực tiếp lên biên lợi nhuận gộp và khả năng tái đầu tư hạ tầng của doanh nghiệp.

– Vướng mắc pháp lý về đất đai: Công tác triển khai các dự án nhà máy nước mặt trọng điểm tại hồ Cầu Dầu (4.000 m3/ngày) và hồ Suối Tre (8.150 m3/ngày) gặp trở ngại lớn trong khâu hoàn thiện thủ tục quy hoạch đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, dẫn đến tiến độ thực hiện chưa đạt như kỳ vọng.

– Dư địa phát triển khách hàng hạn chế: Tại các khu vực nội ô như phường Long Khánh và Bảo Vinh, nhu cầu sử dụng nước đã tiệm cận mức bão hòa. Trong khi đó, việc mở rộng mạng lưới sang các vùng ven có mật độ dân cư thưa thớt gặp thách thức về chi phí đầu tư lớn nhưng hiệu quả khai thác trong ngắn hạn chưa cao.

– Hạn chế nguồn nước dưới đất: Định hướng giảm khai thác nước ngầm kết hợp với các quy định kỹ thuật về mực nước động đã làm giảm đáng kể công suất khai thác của một số giếng khoan hiện hữu, buộc Công ty phải phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn nước mua phân phối lại với giá thành cao.

Mặc dù biên lợi nhuận bị thu hẹp do các yếu tố chi phí khách quan, LKW đã bảo vệ được các thành quả tài chính cốt lõi: doanh thu đạt 49.609 triệu đồng (103,65% kế hoạch) và lợi nhuận trước thuế đạt 14.113 triệu đồng (115,76% kế hoạch). Đây là minh chứng cho sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể Công ty trong một năm đầy thách thức.

NHỮNG TIẾN BỘ MÀ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2025, LKW đã hoàn thành toàn diện các mục tiêu trọng yếu về sản lượng và lợi nhuận, ghi nhận doanh thu đạt 49.609 triệu đồng (vượt 3,65%) và lợi nhuận trước thuế đạt 14.113 triệu đồng (vượt 15,76% so với kế hoạch). Mặc dù các dự án đầu tư nhà máy nước mặt hồ Cầu Dầu và hồ Suối Tre chưa hoàn thành tiến độ do những vướng mắc khách quan về thủ tục quy hoạch đất đai, nhưng kết quả kinh doanh vượt mức kế hoạch đã khẳng định khả năng thích ứng của đơn vị, tạo nền tảng tài chính ổn định cho giai đoạn tiếp theo.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		%Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	**52.761**	**52,42%**	**41.031**	**41,35%**	**(11.730)**	**(22,23%)**
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.613	10,64%	3.996	9,74%	(1.617)	(28,81%)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.000	83,39%	34.000	82,87%	(10.000)	(22,73%)
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.336	2,53%	1.257	3,06%	(79)	(5,91%)
Hàng tồn kho	1.238	2,35%	1.368	3,33%	130	10,50%
Tài sản ngắn hạn khác	573	1,09%	410	1,00%	(163)	(28,45%)
Tài sản dài hạn	**47.892**	**47,58%**	**58.209**	**58,65%**	**10.317**	**21,54%**
Tài sản cố định	37.449	78,19%	55.945	96,11%	18.496	49,39%
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	9.880	20,63%	27	0,05%	(9.853)	(99,73%)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	563	1,18%	2.237	3,84%	1.674	297,34%
Tổng tài sản	**100.653**	**100%**	**99.240**	**100%**	**(1.413)**	**(1,40%)**

TÀI SẢN DÀI HẠN

58.209 triệu đồng

Tăng 21,54% so với năm 2024

TÀI SẢN NGẮN HẠN

41.031 triệu đồng

Giảm 22,23% so với năm 2024

Tài sản dài hạn

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty ghi nhận ở mức 99.240 triệu đồng, giảm nhẹ 1,40% so với đầu năm. Điểm đáng chú ý trong năm nay là sự dịch chuyển mạnh mẽ trong cơ cấu tài sản khi tỷ trọng tài sản dài hạn đã tăng lên và chiếm 58,65% tổng tài sản, cao hơn so với tài sản ngắn hạn (năm 2024 tỷ trọng này là 47,58%). Giá trị tài sản dài hạn đạt 58.209 triệu đồng, tăng 21,54% so với năm trước. Trong đó:

- Tài sản cố định chiếm tỷ trọng áp đảo (96,11%) trong cơ cấu tài sản dài hạn, đạt giá trị 55.945 triệu đồng, tăng mạnh hơn 18.496 triệu đồng (tương ứng tăng 49,39%).
- Tài sản dở dang dài hạn giảm từ 9.880 triệu đồng xuống chỉ còn 27 triệu đồng (giảm 99,73%).

Sự biến động trái chiều giữa hai khoản mục này cho thấy trong năm 2025, LKW đã hoàn tất việc nghiệm thu và đưa vào vận hành một loạt các công trình đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo hệ thống tuyến ống từ các năm trước. Việc chuyển đổi từ tài sản dở dang sang tài sản cố định hữu hình minh chứng cho nỗ lực của Công ty trong việc đưa các dự án vào khai thác thực tế, phục vụ công tác cung cấp nước và kiểm soát thất thoát trên địa bàn. Ngoài ra, tài sản dài hạn khác tăng lên 2.237 triệu đồng do phát sinh các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến sửa chữa lớn và phí cấp phép.

Tài sản ngắn hạn

Trái ngược với đà tăng của tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn ghi nhận mức giảm từ 52.761 triệu đồng xuống còn 41.031 triệu đồng, tương ứng giảm 22,23%. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản theo đó cũng giảm từ 52,42% xuống còn 41,35%. Sự sụt giảm này chủ yếu nằm ở các khoản mục đầu tư và thanh khoản:

- Đầu tư tài chính ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (82,87%) trong tài sản ngắn hạn nhưng đã giảm 10.000 triệu đồng (từ 44.000 triệu xuống còn 34.000 triệu đồng). Việc rút bớt các khoản tiền gửi có kỳ hạn cho thấy Công ty đã sử dụng nguồn vốn này để thanh toán cho các đơn vị thi công, chi trả cổ tức và phục vụ các mục tiêu đầu tư dài hạn.
- Tiền và các khoản tương đương tiền: Giảm khoảng 28,81%, từ 5.613 triệu đồng xuống còn 3.996 triệu đồng.
- Hàng tồn kho tăng nhẹ khoảng 10,50%, đạt mức 1.368 triệu đồng để đảm bảo vật tư dự phòng cho công tác duy tu bảo dưỡng thường xuyên.
- Tài sản ngắn hạn khác giảm từ 573 triệu đồng xuống còn 410 triệu đồng, chủ yếu do khấu trừ thuế GTGT đầu vào sau khi các dự án đầu tư hoàn thành.

Sự thay đổi trong cơ cấu tài sản năm 2025 cho thấy LKW đang thực hiện lộ trình chuyển dịch nguồn vốn từ các tài sản thanh khoản sang tài sản sản xuất trực tiếp. Việc gia tăng tài sản cố định và hoàn tất các hạng mục dở dang là tiền đề để Công ty nâng cao năng lực phục vụ và hiệu quả vận hành trong các năm tới. Cơ cấu này phản ánh đúng giai đoạn phát triển và đầu tư hạ tầng mạng lưới cấp nước theo kế hoạch đã đề ra.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		%Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	**11.657**	**100,00%**	**14.127**	**100,00%**	**2.470**	**21,19%**
Phải trả người bán ngắn hạn	338	2,90%	4.795	33,94%	4.457	1.318,64%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	927	7,95%	819	5,80%	(108)	(11,65%)
Phải trả người lao động	2.613	22,41%	2.000	14,16%	(613)	(23,45%)
Chi phí phải trả	327	2,81%	517	3,66%	190	58,10%
Phải trả ngắn hạn khác	723	6,20%	813	5,75%	90	12,45%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.730	57,73%	5.184	36,69%	(1.546)	(22,97%)
Nợ dài hạn	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Tổng nợ phải trả	**11.657**	**100,00%**	**14.127**	**100,00%**	**2.470**	**21,19%**

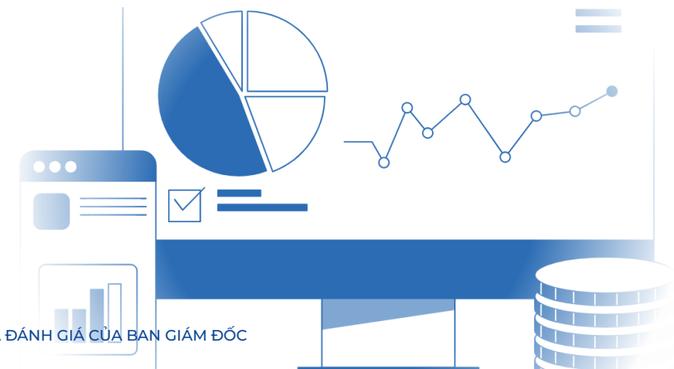

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ (TIẾP THEO)

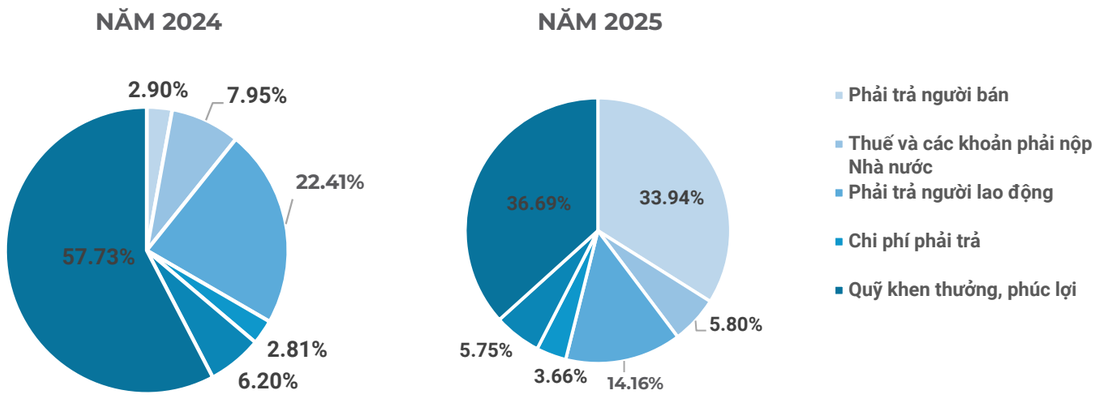

Tại thời điểm cuối năm 2025, tổng nợ phải trả của LKW ghi nhận mức 14.127 triệu đồng, tăng 21,19% so với đầu năm. Cơ cấu nợ có sự dịch chuyển đáng kể, phản ánh các hoạt động đầu tư và chính sách nhân sự của Công ty trong kỳ:

- Phải trả người bán ngắn hạn là khoản mục có biến động mạnh nhất, tăng từ 338 triệu đồng lên 4.795 triệu đồng (chiếm 33,94% tổng nợ). Sự gia tăng đột biến này chủ yếu đến từ việc Công ty đẩy mạnh các dự án đầu tư hạ tầng mạng lưới và xây dựng cơ bản, dẫn đến phát sinh dư nợ đối với các đơn vị thi công và nhà cung cấp.
- Phải trả người lao động giảm từ 22,42% xuống còn 14,16%, tương đương giá trị 2.000 triệu đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi tiếp tục có sự điều chỉnh giảm từ 6.730 triệu đồng xuống còn 5.184 triệu đồng (chiếm 36,69% cơ cấu nợ). Tương tự như năm trước, điều này cho thấy Công ty đã sử dụng nguồn quỹ để thực hiện các chương trình phúc lợi, chăm lo đời sống người lao động theo đúng kế hoạch và định mức được duyệt.

Nhìn chung, với những thay đổi trong năm 2025 cho thấy LKW vẫn duy trì một cơ cấu tài chính lành mạnh, hoàn toàn không phụ thuộc vào nợ vay tài chính. Điều này cho thấy sự chủ động trong việc sử dụng nguồn tín dụng thương mại để tài trợ cho các hoạt động mở rộng năng lực sản xuất kinh doanh, đồng thời vẫn đảm bảo tính linh hoạt và an toàn cho dòng tiền của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì và kiện toàn mô hình tổ chức hiện tại nhằm bảo đảm tính ổn định và kế thừa các ưu điểm trong vận hành. Sự ổn định về cấu trúc đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tối ưu hóa quy trình phối hợp, nâng cao năng lực thực thi của các phòng ban và phân xưởng trực thuộc, đặc biệt trong giai đoạn Công ty triển khai nhiều dự án hạ tầng trọng điểm.

Về cơ cấu tổ chức và nhân sự

LKW đã thực hiện rà soát, sắp xếp lại nhân sự tại các bộ phận theo hướng chuyên môn hóa cao. Với quy mô nhân sự duy trì ở mức 63 người, Công ty tập trung nâng cao năng suất lao động bằng cách ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị lưu lượng, áp lực và giám sát mạng lưới. Điều này không chỉ giúp giảm bớt các khâu trung gian mà còn tăng cường khả năng phản ứng nhanh trước các sự cố kỹ thuật và yêu cầu của khách hàng.

Về chính sách và công tác quản lý

Hệ thống chính sách quản trị nội bộ tiếp tục được hoàn thiện, chú trọng vào tính minh bạch và kỷ luật tài chính:

- **Hoàn thiện quy chế quản lý:** Tiếp tục bổ sung và cập nhật các quy định về quản lý kỹ thuật, an toàn lao động và quy trình đấu thầu, thi công xây lắp nhằm phù hợp với các quy định pháp luật mới của Nhà nước.
- **Chính sách đãi ngộ và đào tạo:** Duy trì chính sách tiền lương thưởng gắn liền với hiệu quả công việc. Công ty chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo ngắn hạn, tập huấn về chính sách thuế, nghị định mới và kỹ năng chuyên môn cho cán bộ công nhân viên để chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng cho việc vận hành các nhà máy nước mặt trong tương lai.
- **Số hóa quản lý:** Đẩy mạnh cải tiến trong công tác quản lý khách hàng và thu tiền nước thông qua các giải pháp thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Việc liên kết sâu rộng với các đơn vị thu hộ và ngân hàng đã giúp tiết giảm chi phí quản lý hành chính, đồng thời nâng cao độ chính xác trong công tác quản lý khoản phải thu.

Những cải tiến trong quản trị và sự nhất quán trong chính sách quản lý đã tạo ra môi trường làm việc tích cực, nâng cao tinh thần trách nhiệm của tập thể. Đây là yếu tố then chốt giúp Ban Giám đốc điều hành Công ty vượt qua các thách thức về chi phí đầu vào và vướng mắc thủ tục dự án, bảo đảm hoàn thành vượt mức các mục tiêu kinh doanh năm 2025.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Sản lượng nước sản xuất	m^3	5.092.195	4.800.000
2	Sản lượng nước mua	m^3	593.347	950.000
3	Sản lượng nước ghi thu	m^3	5.227.694	5.290.000
4	Tỷ lệ thất thoát	%	8,05	8,00
5	Doanh thu	Triệu đồng	49.609	48.535
6	Tổng chi phí	Triệu đồng	35.497	36.635
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.406	10.520
8	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách	Triệu đồng	8.264	7.700
9	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	13.692	12.000
10	Phát triển khách hàng	Hộ	1.773	600

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

DỰ KIẾN TRONG NĂM 2026 CÔNG TY SẼ TIẾP TỤC TRIỂN KHAI VÀ ĐẦU TƯ MỚI CÁC DỰ ÁN, CỤ THỂ NHƯ SAU:

STT	Khu vực	Tên dự án	Tổng Kế hoạch 2026
VỐN TỰ CÓ, VỐN VAY HỢP PHÁP KHÁC			**11.994.715.000**
a	**Các công trình đầu tư mạng lưới cấp nước**		**9.740.000.000**
1	Phường Long Khánh & Hàng Gòn	Chi phí tư vấn chuẩn bị đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt hồ Cầu Dầu công suất 4.000 m^3/ngày	350.000.000
2	Phường Long Khánh & Bình Lộc	Chi phí tư vấn chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng nhà máy nước mặt hồ Suối Tre công suất 8.150 m^3/ngày	350.000.000
3	Phường Long Khánh	Xây dựng hệ thống SCADA cho các trạm bơm và Khu Điều khiển Trung tâm	2.000.000.000
4	Phường Long Khánh	Tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường 9 tháng 4, phường Long Khánh	980.000.000
5	Phường Long Khánh	Tuyến ống cấp nước đường Suối Rết B (Giao đường Nguyễn Trãi) phường Long Khánh	700.000.000
6	Phường Xuân Lập	Tuyến ống cấp nước Khu phố Núi đỏ- Khu phố Tân Thủy đến UBND P.Xuân Lập	1.200.000.000
7	Phường Long Khánh	Phát triển Tuyến ống cấp nước HDPE đường 21/4 (Quốc Lộ 1), Hẻm 87 Duy Tân, Hẻm đường Ngô Quyền, Hẻm 100 đường Lê Hữu Trác.	960.000.000
8	Phường Long Khánh	Tuyến ống truyền tải nước mặt tăng nguồn cho khách hàng khu vực phường Bảo Vinh, Phường Long Khánh	3.200.000.000

DỰ KIẾN TRONG NĂM 2026, CÔNG TY SẼ TIẾP TỤC TRIỂN KHAI VÀ ĐẦU TƯ MỚI CÁC DỰ ÁN, CỤ THỂ NHƯ SAU (TIẾP THEO)

STT	Khu vực	Tên dự án	Tổng Kế hoạch 2026
b	**Các công trình cải tạo sửa chữa tuyến ống và các loại công trình sửa chữa khác**		**1.654.715.000**
1	Phường Long Khánh	Sữa chữa, sơn lại nhà trạm bơm Công ty (11 trạm bơm)	594.715.000
2	Phường Long Khánh	Cải tạo, thay thế Tuyến ống bên Phải đường Hồ Thị Hương (Đoạn từ ngã ba Khổng tử đến đường Hồng Thập Tự) và Hẻm 86 đường Nguyễn Trãi, Phường Long Khánh	360.000.000
3	Phường Long Khánh	Cải tạo, thay thế Tuyến ống Nút Giao đường Vành Đai 1 giao QL1, đường Phan Huy Chú, đường Lương thế Vinh, phường Long Khánh.	700.000.000
c	**Mua sắm tài sản cố định**		**600.000.000**
1	Phường Long Khánh	Trang thiết bị	150.000.000
2	Phường Long Khánh	Xe tải 1,25-1,5T	450.000.000
		TỔNG CỘNG	**11.994.715.000**
		TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)	**12.000.000.000**

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, đơn vị kiểm toán Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Việc thực hiện tiêu thụ và xử lý hợp lý các chỉ tiêu môi trường như điện, nước đã diễn ra đúng hoạch định, đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh.

QUẢN LÝ NGUỒN VẬT LIỆU

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ cung cấp nước sạch cho sản xuất và tiêu dùng. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường. Để đảm bảo chất lượng nước và vệ sinh môi trường, LKW thường xuyên thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống đường ống và đồng hồ nước. Các biện pháp này không chỉ nâng cao hiệu quả vận hành mà còn góp phần tiết kiệm năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, hướng tới hình ảnh doanh nghiệp thân thiện với môi trường, phù hợp với châm ngôn "Tiết kiệm nước là tiết kiệm nguồn lực". Bên cạnh đó, Công ty chú trọng nâng cao ý thức của người lao động thông qua các hoạt động đào tạo và truyền thông nội bộ, nhằm đảm bảo toàn bộ nhân viên thực hiện đúng quy trình vận hành, tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng và bảo vệ môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Điện năng là nguồn năng lượng chủ yếu trong quá trình vận hành các hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, nhằm sử dụng năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm, Công ty chủ trương áp dụng các biện pháp tối ưu hóa tiêu thụ điện năng, đồng thời khuyến khích toàn thể nhân viên thực hành tiết kiệm điện trong công việc và sinh hoạt hàng ngày để góp phần giảm chi phí vận hành và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường, hướng tới hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững và thân thiện với môi trường.

TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên này. Việc tiết kiệm nước nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả tối đa luôn được coi là kim chỉ nam trong hoạt động sản xuất kinh doanh của LKW. Để thực hiện hóa mục tiêu này, Công ty ban hành các chính sách khuyến khích cán bộ, công nhân viên thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ nguồn nước, đồng thời duy trì các biện pháp giám sát, vận hành nhằm hạn chế thất thoát và sử dụng hiệu quả trên toàn bộ hệ thống.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty đang không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng cuộc sống và phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên thông qua việc cập nhật và cải tiến các chính sách về lương, thưởng, bảo hiểm và các chế độ phúc lợi ổn định. Phát triển nghề nghiệp và đào tạo được đặt lên hàng đầu, cung cấp cơ hội và nguồn lực để nhân viên nâng cao kỹ năng, kiến thức và hiệu quả làm việc. Bên cạnh đó, LKW còn chú trọng xây dựng môi trường làm việc thoải mái, tích cực và công bằng. Đồng thời, Công ty thường xuyên đánh giá chất lượng quản lý và lãnh đạo nhằm đảm bảo nhân viên nhận được sự hỗ trợ tối đa, góp phần thúc đẩy động lực và hiệu quả công việc của toàn bộ đội ngũ.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh, LKW luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác xã hội và cải thiện đời sống cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Công ty không chỉ thực hiện nghiêm túc các chính sách bảo vệ môi trường mà còn chú trọng các chính sách hỗ trợ cộng đồng, như tạo cơ hội việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Công ty liên kết và hợp tác mạnh mẽ với doanh nghiệp địa phương để tăng cường năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển nền kinh tế địa phương. Ngoài ra, LKW còn triển khai các biện pháp ứng phó khẩn cấp và hỗ trợ phục hồi sau thiên tai, lũ lụt và các sự kiện khác, đồng thời xây dựng các chương trình hỗ trợ cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống. LKW cam kết tạo ra những giá trị bền vững, góp phần vào sự thịnh vượng và phát triển lâu dài của cộng đồng.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	54
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	54
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026	55

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Hội đồng quản trị của Công ty đã có những nỗ lực đáng kể trong việc chỉ đạo và điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo rằng mọi hành động đều tuân thủ đúng định hướng và nghị quyết của Đại hội cổ đông. Công ty không chỉ tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty mà còn tiến hành triển khai các biện pháp tích cực nhằm hoàn thiện chiến lược phát triển bền vững.

Hội đồng quản trị luôn định hướng Công ty hoạt động theo các chuẩn mực đạo đức, pháp luật và chính trị, đồng thời đề xuất và thảo luận các giải pháp chiến lược quan trọng đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững. Những nỗ lực này nhằm giúp cho Công ty luôn duy trì hiệu quả hoạt động, đáp ứng đúng định hướng chiến lược đã được xác định, đồng thời thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến môi trường và xã hội.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo toàn vốn liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã tuân thủ chặt chẽ chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, cũng như thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính và kế toán theo quy định, đồng thời đảm bảo trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định, nhằm đảm bảo sự ổn định và bền vững của doanh nghiệp.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, LKW còn chấp hành trách nhiệm xã hội và cộng đồng một cách tích cực. Cụ thể, Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội được tổ chức theo thời điểm và yêu cầu của đơn vị các cấp.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, kiểm tra các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã giao cho Ban Giám đốc.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, cơ cấu tổ chức của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty cũng đã lãnh đạo, giám sát chỉ đạo Ban điều hành đề ra các giải pháp liên quan đến nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy, phân công nhiệm vụ các phòng ban để nâng cao hoạt động quản lý, điều hành của Công ty đạt hiệu quả theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn giám sát việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời, giám sát việc báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hàng quý, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và phương hướng nhiệm vụ trong Quý tới, lập các Tờ trình lên xin ý kiến về các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Bên cạnh đó, hàng tháng Ban Giám đốc tổ chức họp giao ban với trưởng các bộ phận, phòng ban, đội nhằm đánh giá tình hình hoạt động đồng thời nắm bắt các khó khăn, đề xuất để có phương hướng chỉ đạo giải quyết kịp thời. Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đúng theo chương trình, kế hoạch đã được thông qua.

Trong năm 2025, Ban Giám đốc Công ty đã luôn bám sát phương hướng và nhiệm vụ đã đề ra, tận dụng các thuận lợi, hạn chế khó khăn và linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty, đồng thời tuân thủ đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
1	Doanh thu	Triệu đồng	48.535
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.520
3	Tỷ lệ thất thoát	%	8,00%
4	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách	Triệu đồng	7.700
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	12.000

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định năm 2026 tiếp tục là giai đoạn trọng tâm cho việc chuyển đổi cơ cấu nguồn nước và hiện đại hóa hệ thống quản lý. Tập thể lãnh đạo Công ty cam kết tăng cường các giải pháp quản trị điều hành, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người lao động và các cổ đông.

Để hiện thực hóa các chỉ tiêu trên, Hội đồng quản trị chỉ đạo tập trung thực hiện các nhóm giải pháp chiến lược sau:

- Tiếp tục phối hợp với các sở, ngành và chính quyền địa phương để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; rà soát, điều chỉnh tiến độ thực hiện các dự án phù hợp quy định và điều kiện thực tế.
- Tiếp tục hoàn thiện, giải trình phương án giá nước theo quy định; đồng thời tăng cường quản lý chi phí, sử dụng hiệu quả nguồn nước mua, hạn chế thất thoát nhằm giảm áp lực tài chính.
- Quản lý, khai thác nguồn nước ngầm theo đúng giấy phép được cấp; rà soát công suất các giếng khoan, từng bước điều chỉnh phương án cấp nước phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Đồng Nai.
- Rà soát khu vực cấp nước, tập trung khai thác hiệu quả mạng lưới hiện hữu; nghiên cứu mở rộng cấp nước tại các khu vực còn tiềm năng; nâng cao chất lượng dịch vụ và công tác chăm sóc khách hàng.
- Tiếp tục triển khai khảo sát, phân vùng tách mạng, xác định tỷ lệ thất thoát từng khu vực để lập kế hoạch cải tạo, thay thế tuyến ống phù hợp; đầu tư công nghệ mới phục vụ công tác chống thất thoát nước.
- Khai thác hiệu quả các nguồn nước hiện có; tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng nước; duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, quản lý tốt áp lực mạng lưới nhằm tiết kiệm điện năng và chi phí sản xuất.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý khách hàng và dữ liệu phục vụ công tác khảo sát, gắn mới, sửa chữa và vận hành hệ thống cấp nước.
- Tăng cường công tác tuyên truyền thông qua các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên,... các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các hoạt động khác tạo sự đoàn kết trong tập thể, nhằm hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	58
Ban Kiểm soát	62
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	66

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính tại ngày 31/12/2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Lê Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	375.000	15%
2	Ông Hồ Ngọc Long	Thành viên HĐQT	250.000	10%
3	Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT	175.000	7%
4	Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên HĐQT	175.000	7%
5	Ông Bùi Hoàng Anh	Thành viên HĐQT	1.000	0,04%

05 ÔNG BÙI HOÀNG ANH
TV HĐQT

Ngày sinh	27/06/1989
Nơi sinh	Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
Chức vụ hiện tại TCPH	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chuyên viên tư vấn đầu tư CTCP Chứng khoán SSI

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 - 1996	CTCP Chứng khoán TP HCM	Tư vấn đầu tư
1996 - 1998	CTCP Công nghệ Tiên Phong	Trưởng BKS
1998 - 2008	CTCP Công Nghệ Tiên Phong	TV HĐQT
2008 - 2017	CTCP Chứng khoán SSI	Tư vấn đầu tư

Số lượng cổ phần sở hữu	**1.000**	**cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**0.04%**
Sở hữu cá nhân	1.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0.04%
Sở hữu đại diện	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

Chi tiết sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT khéc xem thông tin sơ yếu lý lịch tại Phần II - Thông tin Ban điều hành.

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2025: không thay đổi

01 ÔNG LÊ THÀNH TRUNG
Chủ tich HĐQT

Ngày sinh	27/05/1981
Nơi sinh	Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ sư Xây dựng - Chuyên ngành Cấp thoát nước
Chức vụ hiện tại TCPH	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2001 – 07/2003	Tổ cơ điện, Xí nghiệp nước Biên Hòa - Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công nhân
07/2003 – 02/2007	Phòng Kế hoạch - Kỹ Thuật Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	Nhân viên
02/2007 – 12/2009	Phòng Kế hoạch - Kỹ Thuật Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	Phó phòng
12/2009 – 01/2010	Ban Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	Phó phòng kỹ thuật
02/2010 – 07/2014	Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an Đồng Nai	Cán bộ
08/2014 – 01/2021	Phòng cảnh sát giao thông đường sắt đường bộ Công an Đồng Nai	Cán bộ
02/2021 – 02/2022	CTCP Cấp nước Đồng Nai	Trợ lý Ban Giám đốc
03/2023 – 05/2024	CTCP Cấp nước Đồng Nai	Trợ lý Ban Giám đốc - Trưởng phòng Kinh doanh
04/2023 - nay	CTCP Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	Thành viên HĐQT
04/2024 - nay	CTCP Cấp nước Long Khánh	Chủ tịch HĐQT
06/2024 - 03/2025	CTCP Cấp nước Đồng Nai	Trưởng Ban quản lý dự án
04/2025 - nay	CTCP Cấp nước Đồng Nai	Phó Giám đốc

Số lượng cổ phần sở hữu	**375.000**	**cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**15%**
Sở hữu cá nhân	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	375.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	15%
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện 05 cuộc họp theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, Các cuộc họp Hội đồng quản trị đã tập trung các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đánh giá phân tích tình hình sản xuất kinh doanh để có chỉ đạo sâu sát kịp thời thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát và một số cán bộ chủ chốt Công ty.

Đồng thời HĐQT đã chủ động trong việc thực hiện lấy phiếu ý kiến bằng văn bản để kịp thời trong việc triển khai các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo quy mô hoạt động, Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, các thành viên HĐQT cùng chỉ đạo và giám sát hoạt động theo năng lực chuyên môn của cá nhân với tinh thần và trách nhiệm cao nhất.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Thành Trung	5/5	100%	-
2	Ông Nguyễn Văn Hòa	5/5	100%	-
3	Ông Nguyễn Văn Vĩnh	5/5	100%	-
4	Ông Bùi Hoàng Anh	5/5	100%	-
5	Ông Hồ Ngọc Long	5/5	100%	-

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	**Nghị quyết**			
1	01/NQ-HĐQT	14/02/2025	Về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh	100%
2	02/NQ-HĐQT	19/03/2025	Kỳ họp thứ II năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh nhiệm kỳ IV (2023-2028).	100%
3	03/NQ-HĐQT	19/05/2025	Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.	100%
4	04/NQ-HĐQT	17/06/2025	Về việc chi trả cổ tức năm 2024	100%
5	05/NQ-HĐQT	25/08/2025	Về việc thay đổi mẫu dấu công ty	100%
6	06/NQ-HĐQT	18/12/2025	Về việc chấp thuận vận dụng thống nhất Nghị định 44/2025/NĐ-CP và Thông tư 003/2025/TT-BNV để xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho toàn bộ năm 2025	100%
II	**Quyết định**			
1	01/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Về việc ban hành quy chế về công tác thi đua khen thưởng của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh.	
2	02/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Về việc ban hành quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao và phúc lợi của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh.	
3	03/QĐ-HĐQT	19/03/2025	Về việc thành lập Ban thẩm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	
4	04/QĐ-HĐQT	24/03/2025	Về việc chi trả tiền lương Người quản lý điều hành Công ty.	
5	05/QĐ-HĐQT	24/03/2025	Về việc chi tiền lương bổ sung Người quản lý điều hành năm 2024	
6	06/QĐ-HĐQT	25/03/2025	Thành lập Ban phòng chống tham nhũng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	
7	07/QĐ-HĐQT	10/04/2025	Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh (điều chỉnh, bổ sung lần thứ nhất)	
8	08/QĐ-HĐQT	10/04/2025	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh (điều chỉnh, bổ sung lần thứ hai)	
9	09/QĐ-HĐQT	17/06/2025	Về việc chi khen thưởng Người quản lý chuyên trách từ quỹ khen thưởng Người quản lý	
10	10/QĐ-HĐQT	17/06/2025	Về việc ban hành Quy định công tác quy hoạch cán bộ	
11	11/QĐ-HĐQT	18/12/2025	Về việc Chi khen thưởng cuối năm 2025 cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý chuyên trách và người phụ trách quản trị Công ty từ Qũy khen thưởng người quản lý.	

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty/Thư ký Công ty đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định.

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

(Tính tại ngày 31/12/2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng BKS	175.000	7%
2	Bà Lê Thị Hiền	Thành viên BKS	125.000	5%
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Thành viên BKS	0	0%

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

02 BÀ LÊ THỊ HIỀN
TV BKS

Bà Lê Thị Hiền
TV BKS

Ngày sinh	16/02/1983
Nơi sinh	Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản lý xây dựng, Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng, Cử nhân Cao đẳng Cấp thoát nước và môi trường
Chức vụ hiện tại TCPH	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Nhân viên Ban kiểm toán nội bộ - CTCP Cấp nước Đồng Nai
Quá trình công tác	

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2006 - 4/2007	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng D.P.D	Cán bộ kỹ thuật
5/2007 - 8/2012	Công ty TNHH Tư vấn phát triển & kinh doanh nhà HL	Nhân viên Thiết kế kết cấu công trình dân dụng
12/2012 - 11/2015	CTCP Cấp nước Hồ Cầu Mới	Nhân viên Ban Quản lý dự án
12/2015 - Nay	CTCP Cấp nước Đồng Nai	Nhân viên Ban Kiểm toán nội bộ

Số lượng cổ phần sở hữu	**125.000**	**cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**5%**
Sở hữu cá nhân	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	125.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	5%
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

01 BÀ NGUYỄN THỊ MAI HẠNH
Trưởng BKS

Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh
TRƯỞNG BKS

Ngày sinh	13/11/1984
Nơi sinh	Đồng Nai
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán, Cao học Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện tại TCPH	Trưởng BKS
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trưởng BKS CTCP Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai; Phụ trách kế toán Chi nhánh cấp nước Long Thành (trực thuộc CTCP Cấp nước Đồng Nai)
Quá trình công tác	

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2007 - 12/2007	Xí nghiệp thiết kế xây dựng, trực thuộc CTCP Cấp nước Đồng Nai	Nhân viên
1/2008 - 8/2013	Phòng Tài chính Kế toán - CTCP Cấp nước Đồng Nai	Nhân viên
9/2013 - 5/2014	Ban kiểm toán nội bộ - CTCP Cấp nước Đồng Nai	Nhân viên
6/2014 - 4/2018	Phòng Tài chính Kế toán - CTCP Cấp nước Đồng Nai	Nhân viên
11/2016 - 3/2021	CTCP Cấp nước Gia Tân	Kiểm soát viên
5/2018 - 3/2023	CTCP Cấp Nước Nhơn Trạch	Trưởng BKS
	Chi nhánh cấp nước Long Thành trực thuộc CTCP Cấp nước Đồng Nai	Phó phòng - phụ trách kế toán chi nhánh Long Thành
4/2023 - nay	CTCP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	Trưởng BKS
	CTCP Cấp nước Long Khánh	Trưởng BKS

Số lượng cổ phần sở hữu:	**175.000**	**cổ phần, chiếm tỷ lệ**	**7%**
Sở hữu cá nhân	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	175.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	7%
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

03

BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG CHÂU
TV BKS

Bà Nguyễn Thị Hồng Châu
TV BKS

Ngày sinh	05/05/1984
Nơi sinh	Đồng Nai
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính
Chức vụ hiện tại TCPH	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/2009 - 4/2013	CTCP Cấp nước Long Khánh	TV BKS, Nhân viên kế toán
5/2013 - 5/2016	CTCP Cấp nước Long Khánh	Nhân viên kế toán
6/2016 - 3/2023	CTCP Cấp nước Long Khánh	Trưởng Ban kiểm soát
4/2023 - nay	CTCP Cấp nước Long Khánh	TV BKS, Nhân viên phòng tổ chức hành chính

Số lượng cổ phần sở hữu	-	**cổ phần, chiếm tỷ lệ**	-
Sở hữu cá nhân	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu đại diện	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

- Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng kiểm tra, theo dõi và giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Duy trì thực hiện kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hồ sơ chứng từ kế toán, báo cáo tài chính năm 2025.
- Các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua điện thoại và email để phối hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, đồng thời đóng góp ý kiến cho Ban Giám đốc trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh của doanh nghiệp.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIẾM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng BKS	3/3	100%
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Thành viên BKS	3/3	100%
3	Bà Lê Thị Hiền	Thành viên BKS	3/3	100%

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phương hướng sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát dự kiến kế hoạch nhiệm vụ hoạt động trong năm 2026 như sau:

1. **Giám sát tuân thủ:** Tiếp tục giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông cũng như Hội đồng quản trị.
2. **Kiểm tra hoạt động điều hành:** Duy trì nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư mua sắm tài sản cố định và các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.
3. Thẩm định tài chính: Kiểm tra định kỳ sổ sách, chứng từ kế toán; thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính năm 2026.
4. **Giám sát phối hợp:** Giám sát chặt chẽ sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát nhằm đảm bảo lợi ích chung của cổ đông.
5. **Thực hiện các nhiệm vụ khác:** Lập các báo cáo đánh giá định kỳ cho Ban điều hành và HĐQT; đồng thời thực hiện các công việc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty hoặc khi có yêu cầu từ Đại hội đồng cổ đông.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

TỔNG THU NHẬP TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ TIỀN THƯỞNG HĐQT, BKS VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Tổng Cộng
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Lê Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	-	12.000.000	96.000.000	108.000.000
2	Hồ Ngọc Long	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	-	38.000.000	72.000.000	110.000.000
3	Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	443.030.000	26.702.000	72.000.000	541.732.000
4	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	435.935.000	26.702.000	72.000.000	534.637.000
5	Bùi Hoàng Anh	Thành viên HĐQT	-	8.000.000	72.000.000	80.000.000
II. BAN ĐIỀU HÀNH						
1	Trần Khánh Dung	Kế toán trưởng	401.846.000	27.340.000	-	429.186.000
III. BAN KIỂM SOÁT						
1	Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng BKS	-	7.000.000	60.000.000	67.000.000
2	Lê Thị Hiền	Thành viên BKS	-	6.000.000	48.000.000	54.000.000
3	Nguyễn Thị Hồng Châu	Thành viên BKS	-	6.000.000	48.000.000	54.000.000
	TỔNG CỘNG		1.280.811.000	157.744.000	540.000.000	1.978.555.000

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty mẹ chiếm 51% vốn điều lệ	3600259296; 07/03/2025; Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai.	48, cách mạng tháng tám phường Trấn Biên , Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	04/ NQHĐQT	Chi trả cổ tức: 7.650.000.000 đồng
2	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng chịu chung sự kiểm soát	3600449307; 30/07/2025 Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Số 113-116 lô C2, đường 9, Khu dân cư An Bình, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	09/ NQHĐQT	Cung cấp nước sạch hàng tháng: 37.363.500 đồng
3	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng chịu chung sự kiểm soát	3600449307; 30/07/2025 Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Số 113-116 lô C2, đường 9, Khu dân cư An Bình, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	04/ NQHĐQT	Chi trả cổ tức: 588.000.000 đồng

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

HĐQT, BKS, BGĐ, người lao động và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty luôn nghiêm túc thực hiện tốt chính sách pháp luật, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký và cho phép, chấp hành tốt các quy định, chủ trương chỉ đạo của cấp thẩm quyền và của các sở, ban ngành trong Tỉnh.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán 74

Báo cáo tài chính được kiểm toán 76

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC **TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Ông Hồ Ngọc Long	Thành viên
Ông Bùi Hoàng Anh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hiền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Hồ Ngọc Long	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Hồ Ngọc Long
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

RSM Việt Nam
Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

Số: 23/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 02 năm 2026 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Thanh Thanh **Phó Tổng Giám đốc** Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2820-2025-026-1	**Lê Hoàng Mỹ Linh** **Kiểm toán viên** Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 6326-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**41.031.168.750**	**52.760.920.599**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**3.996.331.566**	**5.612.865.747**
1. Tiền	111	4.1	3.996.331.566	5.612.865.747
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**34.000.000.000**	**44.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	34.000.000.000	44.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.256.818.294**	**1.336.395.175**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	767.159.661	692.524.824
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		69.752.294	84.776.983
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		544.258.098	678.337.662
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(124.351.759)	(119.244.294)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.367.661.220**	**1.238.466.822**
1. Hàng tồn kho	141	4.4	1.367.661.220	1.238.466.822
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**410.357.670**	**573.192.855**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.9	410.357.670	559.417.870
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	-	13.774.985
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**58.208.808.318**	**47.892.087.632**
I. Tài sản cố định	**220**		**55.945.259.422**	**37.449.029.035**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	55.783.896.519	37.251.666.132
Nguyên giá	222		94.280.874.296	72.179.098.198
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.496.977.777)	(34.927.432.066)
2. Tài sản cố định vô hình	227		161.362.903	197.362.903
Nguyên giá	228		470.000.000	470.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(308.637.097)	(272.637.097)
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**26.545.456**	**9.879.995.608**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	26.545.456	9.879.995.608
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.237.003.440**	**563.062.989**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	2.237.003.440	563.062.989
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**99.239.977.068**	**100.653.008.231**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**14.127.134.123**	**11.657.412.292**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**14.127.134.123**	**11.657.412.292**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	4.794.724.804	337.827.333
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	819.489.549	927.027.676
3. Phải trả người lao động	314	4.10	1.999.756.660	2.612.778.901
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		516.551.619	326.812.143
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		812.742.704	722.908.614
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.11	5.183.868.787	6.730.057.625
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**85.112.842.945**	**88.995.595.939**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.12.1	**85.112.842.945**	**88.995.595.939**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.12.7	38.044.642.594	32.422.111.786
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.982.735.679	31.488.019.481
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		9.576.607.511	17.431.692.461
LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.406.128.168	14.056.327.020
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**99.239.977.068**	**100.653.008.231**

Hồ Ngọc Long	Trần Khánh Dung	Nguyễn Thị Thuỳ Diệu
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	47.325.475.755	45.045.559.220
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.325.475.755	45.045.559.220
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	23.568.955.654	19.855.288.187
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.756.520.101	25.190.271.033
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.880.681.278	2.434.469.075
6. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.662.886.635	4.956.358.675
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	5.990.040.189	6.450.829.558
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.984.274.555	16.217.551.875
9. Thu nhập khác	31		403.053.972	375.614.318
10. Chi phí khác	32		274.799.543	625.434.782
11. Lợi nhuận khác	40		128.254.429	(249.820.464)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.112.528.984	15.967.731.411
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.706.400.816	1.911.404.391
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.406.128.168	14.056.327.020
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	4.129	5.107
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.5	4.129	5.107

Hồ Ngọc Long	Trần Khánh Dung	Nguyễn Thị Thuỳ Diệu
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		14.112.528.984	15.967.731.411
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	3.605.545.711	3.065.771.724
Các khoản dự phòng	03	5.5	5.107.465	(4.940.737)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.880.681.278)	(2.151.675.764)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**15.842.500.882**	**16.876.886.634**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		130.203.232	(656.692.558)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(129.194.398)	74.573.730
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.028.568	1.086.375.638
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.673.940.451)	(45.784.730)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(1.826.063.708)	(1.855.888.936)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.835.070.000)	(2.121.188.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**9.510.464.125**	**13.358.281.578**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.159.596.253)	(13.137.309.039)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	72.618.815
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	(66.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.000.000.000	72.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.987.782.647	2.822.882.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**3.828.186.394**	**(4.241.807.455)**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12.6	(14.955.184.700)	(5.028.628.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(14.955.184.700)**	**(5.028.628.250)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	**50**		**(1.616.534.181)**	**4.087.845.873**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.612.865.747	1.525.019.874
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60)	**70**	4.1	**3.996.331.566**	**5.612.865.747**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Hồ Ngọc Long	Trần Khánh Dung	Nguyễn Thị Thuỳ Diệu
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí Nghiệp Nước Long Khánh. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Nước Long Khánh thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 10 năm 2025 để thay đổi địa chỉ trụ sở chính và địa chỉ người đại diện pháp luật.

Ngày 04 tháng 07 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là LKW.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	12.750.000.000	51	12.750.000.000	51
Các cổ đông khác	Việt Nam	12.250.000.000	49	12.250.000.000	49
Cộng		**25.000.000.000**	**100**	**25.000.000.000**	**100**

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 63 (01 tháng 01 năm 2025 là: 64).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	08 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
▪ Tài sản khác	10 năm

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, cải tạo, chi phí cấp phép khai thác nước ngầm, chi phí giấy phép môi trường và các khoản khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 2 đến 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa, cải tạo được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí cấp phép khai thác nước ngầm được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí giấy phép môi trường được phân bổ 7 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển

Các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí vật tư xuất dùng cho hoạt động xây lắp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính áp dụng cho đơn vị xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước sạch: 5%;
- Dịch vụ xây lắp công trình: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	43.673.355	74.397.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.952.658.211	5.538.468.564
Cộng	**3.996.331.566**	**5.612.865.747**

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng, được chi tiết như sau:

Ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	6 - 12 tháng	5,0% - 5,2% /năm	13.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	6 - 12 tháng	4,5% - 4,9% /năm	10.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	6 tháng	4,1% - 4,8% /năm	6.000.000.000	9.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6 - 12 tháng	4,5%/năm	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	6 tháng	4,3%/năm	-	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	6 tháng	5,3%/năm	-	5.000.000.000
Cộng			**34.000.000.000**	**44.000.000.000**

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh	210.666.775	164.749.000
Các khách hàng khác	556.492.886	527.775.824
Cộng	**767.159.661**	**692.524.824**

Tại ngày 31/12/2025, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Hàng tồn kho

Là giá trị nguyên liệu, vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	13.546.186.345	6.526.774.463	51.584.249.572	355.887.818	166.000.000	72.179.098.198
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	22.101.776.098	-	-	22.101.776.098
Tại ngày 31/12/2025	**13.546.186.345**	**6.526.774.463**	**73.686.025.670**	**355.887.818**	**166.000.000**	**94.280.874.296**
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	9.026.457.231	3.837.998.581	21.551.652.351	345.323.903	166.000.000	34.927.432.066
Khấu hao trong năm	648.774.798	502.699.876	2.407.507.122	10.563.915	-	3.569.545.711
Tại ngày 31/12/2025	**9.675.232.029**	**4.340.698.457**	**23.959.159.473**	**355.887.818**	**166.000.000**	**38.496.977.777**
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	4.519.729.114	2.688.775.882	30.032.597.221	10.563.915	-	37.251.666.132
Tại ngày 31/12/2025	**3.870.954.316**	**2.186.076.006**	**49.726.866.197**	**-**	**-**	**55.783.896.519**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.385.413.196 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình phát triển, cải tạo các tuyến ống cấp nước. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	9.879.995.608	516.090.911
Chi phí phát sinh trong năm	13.692.186.134	13.138.017.870
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(23.545.636.286)	(3.774.113.173)
Số cuối năm	**26.545.456**	**9.879.995.608**

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định	888.976.898	105.769.613
Chi phí cấp phép khai thác nước ngầm	544.080.251	348.148.153
Chi phí cấp giấy phép môi trường	544.588.749	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	216.696.806	77.061.881
Các khoản khác	42.660.736	32.083.342
Cộng	**2.237.003.440**	**563.062.989**

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Tín Nghĩa	2.076.507.483	2.076.507.483	40.206.081	40.206.081
Công ty Cổ phần Xây dựng Vận tải 68	1.657.136.589	1.657.136.589	-	-
Công ty TNHH MTV Phương Phương Thịnh	480.010.134	480.010.134	29.850.381	29.850.381
Các nhà cung cấp khác (*)	581.070.598	581.070.598	267.770.871	267.770.871
Cộng	**4.794.724.804**	**4.794.724.804**	**337.827.333**	**337.827.333**

(*) Tại ngày 31/12/2025, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2025 VND	Số thuế GTGT phát sinh VND	Số thuế GTGT đã được khấu trừ VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	410.357.670	2.162.883.844	2.311.944.044	559.417.870

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	154.130.466	154.130.466	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	360.433.098	1.826.063.708	1.706.400.816	-	480.095.990
Thuế thu nhập cá nhân	-	34.419.281	560.576.849	608.771.115	13.774.985	-
Thuế tài nguyên	-	178.883.782	2.212.350.123	2.193.834.990	-	197.398.915
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	11.075.013	11.075.013	-	-
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	-	245.753.388	3.110.162.946	3.106.383.563	-	249.532.771
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	480.074.704	480.074.704	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	**-**	**819.489.549**	**8.357.433.809**	**8.263.670.667**	**13.774.985**	**927.027.676**

4.10. Phải trả người lao động

Đây là khoản tiền lương phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	6.730.057.625	7.622.765.825
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.288.881.162	1.228.480.000
Chi quỹ	(2.835.070.000)	(2.121.188.200)
Số cuối năm	**5.183.868.787**	**6.730.057.625**

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	25.000.000.000	85.464.672	27.080.955.076	29.001.329.171	81.167.748.919
Lãi trong năm trước	-	-	-	14.056.327.020	14.056.327.020
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.341.156.710	(5.341.156.710)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.228.480.000)	(1.228.480.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2025	25.000.000.000	85.464.672	32.422.111.786	31.488.019.481	88.995.595.939
Lãi trong năm nay	-	-	-	12.406.128.168	12.406.128.168
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.622.530.808	(5.622.530.808)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.288.881.162)	(1.288.881.162)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	**25.000.000.000**	**85.464.672**	**38.044.642.594**	**21.982.735.679**	**85.112.842.945**

Việc phân phối lợi nhuận năm nay được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 10 tháng 04 năm 2025. Trong đó, cổ tức chia cho bên liên quan là 8.238.000.000 VND – Xem thêm Mục 7.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.250.000.000	12.250.000.000
Cộng	**25.000.000.000**	**25.000.000.000**

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.406.128.168	14.056.327.020
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.082.988.919)	(1.288.881.162)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.323.139.249	12.767.445.858
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**4.129**	**5.107**

(*) Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 theo tỷ lệ trích là 16,79% lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 10 tháng 04 năm 2025.

4.12.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.406.128.168	14.056.327.020
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.082.988.919)	(1.288.881.162)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.323.139.249	12.767.445.858
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**4.129**	**5.107**

(*) Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 theo tỷ lệ trích là 16,79% lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 10 tháng 04 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.6. Cổ tức

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	84.825.500	113.453.750
Cổ tức phải trả	15.000.000.000	5.000.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(14.955.184.700)	(5.028.628.250)
Số dư cuối năm	**129.640.800**	**84.825.500**

4.12.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	32.422.111.786
Trích trong năm	5.622.530.808
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	**38.044.642.594**

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch (*)	45.049.974.100	43.761.095.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp	2.275.501.655	1.284.463.720
Cộng	**47.325.475.755**	**45.045.559.220**
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	37.363.500	44.850.000
(*) Khối lượng nước tiêu thụ tương ứng doanh thu	5.227.694 m^3	5.081.388 m^3

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	22.041.131.728	19.093.627.686
Giá vốn cung cấp dịch vụ xây lắp	1.527.823.926	761.660.501
Cộng	**23.568.955.654**	**19.855.288.187**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi phát sinh trong năm.

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.575.213.710	2.719.809.938
Chi phí vật liệu, dụng cụ	2.413.374.640	1.702.327.822
Chi phí khấu hao TSCĐ	62.129.919	70.317.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	452.105.498	429.781.082
Chi phí khác bằng tiền	160.062.868	34.121.989
Cộng	**5.662.886.635**	**4.956.358.675**

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.709.120.344	3.825.593.785
Chi phí vật liệu, dụng cụ	94.021.950	70.262.406
Chi phí đồ dùng, văn phòng	129.541.455	207.613.706
Chi phí khấu hao TSCĐ	348.615.797	348.615.768
Thuế, phí và lệ phí	9.517.189	9.517.189
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	5.107.465	(4.940.737)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	532.501.161	595.235.272
Chi phí khác bằng tiền	1.161.614.828	1.398.932.169
Cộng	**5.990.040.189**	**6.450.829.558**

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.653.706.164	9.682.384.896
Chi phí nhân công	11.829.546.400	12.335.699.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.605.545.711	3.065.771.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.501.791.352	1.650.621.114
Chi phí khác bằng tiền	4.631.292.851	4.564.254.784
Cộng	**35.221.882.478**	**31.298.732.258**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	14.112.528.984	15.967.731.411
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	276.000.000	386.968.816
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	14.388.528.984	16.354.700.227
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	*11.713.049.809*	*13.595.356.539*
Thu nhập tính thuế không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	*2.675.479.175*	*2.759.343.688*
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.706.400.816	1.911.404.391
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	**1.706.400.816**	**1.911.404.391**

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí tính thuế.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch, chiếm phần lớn doanh thu và được thực hiện tại một khu vực địa lý duy nhất là tỉnh Đồng Nai. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không thuyết minh báo cáo bộ phận thành một khoản mục riêng biệt.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp	Công ty mẹ sau cùng
2. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty mẹ
3. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty con của Công ty mẹ sau cùng
4. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	37.363.500	44.850.000
Chia cổ tức – Xem thêm Mục 4.12.1:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	7.650.000.000	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	588.000.000	196.000.000
Cộng	**8.238.000.000**	**2.746.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2025 VND			Năm 2024 VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Ông Nguyễn Quang Minh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 12/04/2024)	-	-	-	28.000.000	-	28.000.000
Ông Lê Thành Trung	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/04/2024)	96.000.000	-	96.000.000	68.000.000	-	68.000.000
Ông Hồ Ngọc Long	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	72.000.000	-	72.000.000	72.000.000	-	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	72.000.000	443.030.000	515.030.000	72.000.000	425.129.000	497.129.000
Ông Nguyễn Văn Hoà	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	72.000.000	435.935.000	507.935.000	72.000.000	394.850.000	466.850.000
Ông Bùi Hoàng Anh	Thành viên HĐQT	72.000.000	-	72.000.000	72.000.000	-	72.000.000
Bà Trần Khánh Dung	Kế toán trưởng	-	401.846.000	401.846.000	-	375.770.000	375.770.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	-	60.000.000	60.000.000	-	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000	-	48.000.000	48.000.000	4.440.000	52.440.000
Bà Lê Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000	-	48.000.000	48.000.000	-	48.000.000
Cộng		**540.000.000**	**1.280.811.000**	**1.820.811.000**	**540.000.000**	**1.200.189.000**	**1.740.189.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2024 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2024 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.107	5.110
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.107	5.110

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Công ty xác định lại Quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 10/04/2025 nên đã làm thay đổi lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu của năm 2024. Do đó, lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 trình bày để so sánh đã được điều chỉnh lại tương ứng.

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Hồ Ngọc Long	Trần Khánh Dung	Nguyễn Thị Thuỳ Diệu
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

Hồ Ngọc Long

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh

Số điện thoại: 02513 877241

www.capnuoclongkhanh.com.vn